TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TUYẾN VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRÊN TRUYỀN HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT CẤP TIỂU HỌC MÔN TIẾNG VIỆT

MỤC LỤC

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TUYẾN VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRÊN TRUYỀN HÌNH MÔN TIẾNG VIỆT 1
1.1. THIẾT KẾ BÀI DẠY TRỰC TUYẾN 1
1.1.1 Nguyên tắc thiết kế bài dạy Tiếng Việt trực tuyến 1
1.1.2 Quy trình thiết kế 3
1.1.3. Vận dụng quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tuyến 3
1.1.4. Một số lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy trực tuyến trong môn Tiếng Việt 13
1.1.5. Một số gợi ý về cách điều chỉnh nội dung dạy học trong dạy học trực tuyến trong môn Tiếng Việt 17
1.2. THIẾT KẾ BÀI DẠY TIẾNG VIỆT TRÊN TRUYỀN HÌNH 19
1.2.1. Nguyên tắc thiết kế bài dạy trên truyền hình 19
1.2.2. Quy trình thiết kế 20
1.2.3. Vận dụng quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tuyến 20
1.2.4. Vai trò của giáo viên trong dạy học trên truyền hình 33
PHẦN 2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA 35
2.1. Kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tiếp 35
2.2. Kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tuyến 40
2.3. Kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trên truyền hình 46
2.4. Kịch bản ghi hình 58
TÀI LIỆU THAM KHẢO 73
PHỤ LỤC 1 74

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TUYẾN VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRÊN TRUYỀN HÌNH MÔN TIẾNG VIỆT

1.1. THIẾT KẾ BÀI DẠY TRỰC TUYẾN

1.1.1 Nguyên tắc thiết kế bài dạy Tiếng Việt trực tuyến

Việc xây dựng KHBD Tiếng Việt phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a. Đảm bảo tính pháp lí

- Tuân thủ chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt 2018;

- Thực hiện đúng chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền:

+ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH (ngày 07/6/2021)- Hướng dẫn xây dựng kế hoach giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

+ Công văn 3969/ BGDĐT-GDTH (ngày 13/9/2021)- Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19. (Điều chỉnh nội dung dạy học cụ thể cấp Tiểu học).

b. Đảm bảo tính khoa học

- Nội dung dạy học đúng kiến thức ngôn ngữ học, văn học và các kiến thức khác có liên quan;

- Trình tự sắp xếp các nội dung dạy học đảm bảo logic của CT, của khoa học ngôn ngữ, văn học và các khoa học khác có liên quan;

- PPDH đảm bảo đặc trưng môn học và đặc điểm tâm, sinh lí, khả năng nhận thức đặc điểm ngôn ngữ, ... (đặc điểm lứa tuổi) của HSTH.

- Khai thác thế mạnh của các nền tảng và công cụ dạy học trực tuyến. Tuy nhiên, không lạm dụng mất thời gian.

c. Đảm bảo tính thực tiễn

- Thực hiện đúng KHGD nhà trường và KHDH môn Tiếng Việt của khối lớp;

- Các phương tiện và hình thức hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

- Tích hợp các nội dung GD (phù hợp) với CTGD địa phương và KHGD nhà trường.

- Đảm bảo tính linh hoạt, tính mở trong quá trình dạy học.

d. Đảm bảo tính sư phạm

- Quy trình dạy học và các biện pháp, hình thức, phương tiện dạy học được thể hiện tường minh, phù hợp với đối tượng HS ở lớp giảng dạy;

- Các hoạt động được thiết kế phải thể hiện quan điểm dạy học và đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học; phát huy thế mạnh và khắc phục những hạn chế của địa phương, nhà trường, học sinh;

- Với mỗi hoạt động, xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được, dự kiến thời gian, địa điểm, lực lượng tổ chức ở từng học kì và cả năm học cho mỗi khối lớp;

- Dự kiến được các tình huống sư phạm có thể xảy ra trong quá trình dạy học; chú ý dạy học phân hoá;

- Làm rõ những hoạt động học tập và sản phẩm của học sinh sau khi học, nhằm đạt mục tiêu bài học, hướng vào phát triển được những thành tố của từng năng lực đề cập;

- Sử dụng những phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập để hỗ trợ học sinh học tập nhằm đạt mục tiêu phù hợp với hình thức dạy học trực tuyến.

Khác với dạy học trực tiếp - giáo viên và học sinh được tương tác thì dạy học trực tuyến phải thông qua máy tính, điện thoại thông minh và phải có mạng internet, tương tác rất hạn chế. Đối tượng dạy học của chúng ta là học sinh tiểu học từ 6-11 tuổi không thành thạo về công nghệ thông tin. Phụ huynh của các em phần lớn cũng ít được tiếp cận với các phần mềm, các thao tác, công việc trên internet. Dạy học online sẽ là xu thế của toàn cầu, của thế giới phẳng tuy nhiên đối với học sinh cấp tiểu học hiện nay nhất là với học sinh lớp 1, lớp 2 là giải pháp tình thế do đại dịch covid gây ra. Bởi vậy, nguyên tắc xây dựng kế hoạch bài dạy trực tuyến là phải phù hợp với thực tiễn: vùng khó khăn hay ít khó khăn, cần khảo sát học sinh lớp mình dạy sẽ học trực tuyến bằng phương tiện gì: điện thoại thông minh, máy tính bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng hay là không có các thiết bị trên phải đi học nhờ. Gia đình có lắp mạng gói internet không hay dùng 3G, 4G để học, … Tất cả điều đó, giáo viên phải có số liệu thống kê cụ thể. Bên cạnh đó, giáo viên cũng phải tuân thủ nguyên tắc vừa sức, phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi của học sinh.

1.1.2 Quy trình thiết kế

Thông thường, một giáo viên tiểu học thường soạn, xây dựng kế hoạch bài dạy trực tiếp song vì "giải pháp tình thế" (đại dịch covid19) buộc họ phải chuyển sang hình thức dạy học online. Hơn nữa, nếu chuyển từ KHBD trực tiếp sang KHBD trực tuyến thực tế GVTH sẽ dễ dàng hơn (theo phần lớn GVTH). Chính vì vậy, chúng tôi đề xuất quy trình sau:

Bước 1: Thiết kế kế hoạch bài dạy trực tiếp

Bước 2: Phân tích, chuyển đổi tương ứng từ KHBD trực tiếp sang KHBD trực tuyến

Bước 3: Xây dựng kho học liệu

Bước 4: Thiết kế bài giảng điện tử

Bước 5: Chạy thử, chỉnh sửa và hoàn thiện.

1.1.3. Vận dụng quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tuyến

Bước 1: Thiết kế Thiết kế kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học (kế hoạch bài dạy trực tiếp). Đây chính là quy trình đồng quy.

Quy trình xây dựng KHBD Tiếng Việt gồm 2 giai đoạn:

*** Giai đoạn 1** (chuẩn bị)**: Phân tích bài học Tiếng Việt sẽ được thiết kế kế hoạch**

GV cần nghiên cứu YCCĐ của mạch nội dung được quy định trong CT môn Tiếng Việt, nghiên cứu bài học trong SGK, thiết bị dạy học, học liệu, đặc điểm HS,... để xác định YCCĐ của bài học phù hợp với với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương.

Đặc biệt, GV cần nghiên cứu kĩ bài dạy, xác định vị trí của bài trong mạch nội dung CT (thể hiện qua SGK) để biết cần dạy gì, kết nối các đơn vị kiến thức, kĩ năng như thế nào, tổ chức hoạt động dạy học ra sao nhằm đạt YCCĐ. Để phân tích bài học, nên trả lời ba câu hỏi:

(1) Học sinh đã được học gì về (hoặc liên quan tới) chủ đề/KT/KN này trong những năm học/bài học trước?

(2) Học sinh sẽ học những gì ở năm học/bài học này?

(3) Học sinh sẽ sử dụng những KT, KN có được từ bài học này như thế nào cho những năm học/bài học tiếp theo?

Ví dụ: GV có thể vẽ một sơ đồ phân tích chủ đề/bài học ở lớp 2 như sau :

Việc phân tích bài dạy/chủ đề giúp GV nắm chắc hơn những yêu cầu cần đạt được quy định trong CT, nhờ đó đi đúng hướng và hoàn thành các mục tiêu theo tiến độ mà họ đặt ra vào đầu năm. Những thông tin đó cũng giúp tránh nội dung thừa/ thiếu/lặp lại trong CT học; khuyến khích việc xem xét các phương pháp giảng dạy mà GV sử dụng để hoàn thành các mục tiêu, thúc đẩy việc tích hợp các chủ đề trong CT giảng dạy một cách hợp lí.

Với việc phân tích mối liên quan giữa bài học cụ thể với những bài đã học và những bài sẽ học tiếp theo, cũng có thể thực hiện tương tự.

*** Giai đoạn 2: Tiến hành xây dựng KHBD Tiếng Việt**

Để xây dựng KHBD Tiếng Việt, GV cần nghiên cứu nội dung bài học và các tài liệu liên quan, nhằm:

- Hiểu YCCĐ: Góp phần phát triển năng lực đặc thù, các phẩm chất và năng lực chung theo yêu cầu của CT;
- Xác định đúng nội dung của bài học: Trình tự bài học, mối liên hệ giữa các phần, các nội dung của bài học;
- Dự kiến những kiến thức, kĩ năng mà HS đã có, cần có; xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ học tập của HS; dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh - cách giải quyết;
- Lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học và cách đánh giá thích hợp nhằm giúp HS học tích cực chủ động sáng tạo, phát triển năng lực tự học;

Việc xây dựng KHBD có thể được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Xác định yêu cầu cần đạt

Bước 2: Xác định nội dung dạy học trọng tâm, sắp xếp nội dung hướng vào phát triển năng lực

Bước 3*:* Thiết kế các hoạt động học tập nhằm chuyển tải nội dung bài học và hướng vào phát triển được các năng lực

Bước 4: Thiết kế những câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ cho từng hoạt động; thiết kế công cụ đánh giá kết quả học tập theo quá trình

Bước 5: Điều chỉnh KHBD sau khi dạy học.

Xem thêm Phụ lục 2

* Sản phẩm: Kế hoạch bài dạy trực tiếp (Xem mục 2.1)

Bước 2: Phân tích, chuyển đổi tương ứng từ KHBD trực tiếp sang KHBD trực tuyến

Trường TH.....
Giáo viên:
Lớp: 2
Môn: Tiếng Việt
Ngày dạy: ...../...../2021

KẾ HOẠCH DẠY HỌC TRUYỀN THỐNG – TRỰC TUYẾN (ONLINE) – TUẦN 10

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ
Bài 18: Tớ nhớ cậu
Tiết 4: Luyện từ và câu
Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè
Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than

KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TIẾP	KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TUYẾN (ONLINE)
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
1. Về năng lực	**1. Về năng lực**
a. Phát triển các năng lực đặc thù	**a. Phát triển các năng lực đặc thù**
**** Năng lực ngôn ngữ***	**** Năng lực ngôn ngữ***
- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. - Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp. - Rèn kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. - Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè.	- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. - Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp. - Rèn kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. - Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè.
**** Năng lực văn học***	**** Năng lực văn học***

Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch). **b. Phát triển năng lực chung** Tập trung vào năng lực tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.	Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch). **b. Phát triển năng lực chung:** Tập trung vào năng lực: + Tự chủ - tự học + Giao tiếp - hợp tác (chỉ phát huy được trong một số hoạt động teamwork, sử dụng công cụ breakout trong zoom khi chia nhóm thảo luận) + Giải quyết vấn đề.
2. Về phẩm chất - **Nhân ái**: Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn. - **Trách nhiệm**: Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.	**2. Về phẩm chất** - **Nhân ái**: Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn. - **Trách nhiệm**: Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC **1. Giáo viên** - Máy tính, máy chiếu; slide tranh minh họa (tranh minh hoạ nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch). - Phiếu học tập luyện tập về từ và câu. Thẻ từ. **2. Học sinh** - Sách giáo khoa Tiếng Việt 2 - Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li.	**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** **1. Giáo viên** - Máy tính; video bài hát Lớp chúng ta đoàn kết; bài giảng power point slide có hình minh họa nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch, video sự phát triển từ nòng nọc thành ếch. - Trò chơi củng cố, trò chơi trên wordwall. **2. Học sinh** - Máy tính/laptop/điện thoại thông minh - Sách giáo khoa Tiếng Việt 2 - Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tiến trình tiết dạy	Hoạt động của GV (trực tiếp)	Hoạt động của giáo viên (trực tuyến)	Hoạt động của HS
1. Khởi động ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối vào bài.	- Tổ chức cho HS hát và vận động theo bài hát: *Lớp chúng ta đoàn kết.* - GV nêu câu hỏi: Bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai? - GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đến với bài học ngày hôm nay. - GV ghi tên bài.	GV mở video cho HS hát và yêu cầu các con đứng vận động theo nhạc. - GV nêu câu hỏi: Bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai? - GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đến với bài học ngày hôm nay.	- HS hát và vận động theo bài hát. - Trong bài hát nói đến tình cảm bạn bè. - HS chú ý. - HS nhắc lại, mở vở ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.	**BT1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.** - Yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài. - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bốn: trao đổi để tìm ra các từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.	GV sử dụng tính năng Breakout rooms trên Zoom để chia nhóm HS thảo luận (time: 5 phút – phòng sẽ tự động đóng sau khi hết time)	- HS nêu yêu cầu bài - HS làm việc nhóm: Nối tiếp nhau tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè: *VD: thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi,...*

	- GV tổ chức chữa bài trước lớp bằng trò chơi: *Ai nhanh - Ai đúng.* - GV chia lớp thành 3 đội chơi, chia bảng lớp thành 3 phần và phát cho mỗi đội 1 bộ thẻ: Các đội viết nhanh vào thẻ những từ ngữ tìm được và gắn nhanh thẻ từ lên bảng. Đội nào tìm được nhiều, đúng và nhanh là đội thắng cuộc.	+ Mỗi nhóm cử 1 HS làm nhóm trưởng, ghi lại các từ nhóm mình tìm được ra giấy. + GV hướng dẫn HS gửi trợ giúp về phiên chính để cô đến từng phòng nếu cần thiết. + Các nhóm có thể trở về phiên chính trước time nếu thảo luận xong sớm.	- Các nhóm cử đại diện tham gia trò chơi. Mỗi đội 5 thành viên. - Dưới lớp theo dõi, cổ vũ, bình chọn đội thắng cuộc.
	- GV cùng HS chốt: *từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè gồm thân, quý, mến, thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, ...* - GV nhận xét, khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ đúng.	→ GV có thể sử dụng tính năng Chia sẻ bảng trắng Sharescreen -> Whiteboard + Chia bảng thành ba cột. + Cấp quyền điều khiển chuột từ xa cho 15 học sinh (mỗi nhóm 5 bạn) + HS sử dụng bút trong Whiteboard để viết vào phần bảng của nhóm mình.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.
	- Mở rộng: Trong những từ ngữ các em vừa tìm được, có những từ ngữ nào chỉ hành động? Những từ ngữ nào thể hiện tình cảm?		- HS suy nghĩ, trả lời: + những từ ngữ chỉ hành động như: *giúp đỡ, chia sẻ*; từ ngữ thể hiện tình cảm: *thân,*

			quý, mến, thân thiết, quý mến.
	+ Hãy đặt 1 câu chứa 1 từ vừa tìm được.		- 2, 3 HS thực hành đặt câu.
3. Thực hành, vận dụng ***Mục tiêu:*** Hoàn thành đoạn văn về tình bạn, hiểu hoạt động của bạn bè. Luyện tập sử dụng dấu chấm, chấm hỏi, chấm cảm phù hợp với nội dung câu.	**BT2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập. - GV giúp HS xác định rõ yêu cầu của bài. - GV hỏi: Trong đoạn văn có nhắc đến con nòng nọc. Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe?	→ GV có thể cho HS gõ nhanh câu mình đặt lên thanh chat trong zoom. Để ngoài những bạn được phát biểu, đảm bảo tất cả HS đều được tương tác. → GV chiếu slide hình ảnh con nòng nọc. → GV có thể thiết kế trò chơi với hình thức kéo – thả trên wordwall.net (mục missing word). Sau đó, sử dụng tính năng Sharescreen trên zoom và trao quyền điều khiển chuột để học sinh có thể tự thực hiện bài.	- 2, 3 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm. - HS chú ý lắng nghe. - HS chia sẻ trước lớp hiểu biết của mình về con nòng nọc. VD: Nòng nọc là động vật lưỡng cư khi còn nhỏ thường sống dưới nước. Tuy nhiên có 1 số nòng nọc sống trên cạn. Nó không tay hay chân cho đến khi trưởng thành và nó có một cái đuôi, dùng để bơi như cá.
	- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp. - GV mời đại diện một nhóm lên trước lớp trình bày kết quả thảo luận. - GV và HS nhận xét đánh giá, thống nhất đáp		- HS thực hiện yêu cầu. - HS nêu nhận xét.

	án: *thân thiết, nhớ, vui đùa.* - GV hỏi thêm: Đoạn văn trên nói về tình bạn giữa ai với ai? Tại sao cá nhỏ phải nhớ nòng nọc? - GV mời một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện. **BT3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.** - GV gọi HS nêu yêu cầu. - GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập. - Gọi HS đọc các ý ở từng cột. - GV chiếu bài tập lên bảng và đánh số thứ tự 1, 2, 3 ở cột A; a, b, c ở cột B. - GV hướng dẫn mẫu: + Cho cô biết ở cột A, câu nào là câu hỏi điều chưa biết? + Câu này có thể nối với ý nào ở cột B?	→ GV cho học sinh xem clip dài khoảng 20 giây về sự tiến hoá từ nòng nọc thành ếch để các con hình dung rõ hơn. → GV nói và gạch chân dưới 2 yêu cầu của bài Yêu cầu 1: Nối câu ở cột A với ý tương ứng ở cột B Yêu cầu 2: Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu. *Phần này GV có thể linh hoạt chuẩn bị sẵn hiệu ứng trên slide trình chiếu, hoặc sử dụng tính năng Annotate trên thanh công cụ.*	- Tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc. - Vì nòng nọc hoá thành ếch và phải lên bờ bắt đầu cuộc sống trên cạn. - Một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện, cả lớp đọc thầm. - HS đọc yêu cầu của bài tập 3 trong SHS. - HS xác định yêu cầu bài. - 2 HS đọc. - HS thực hành mẫu:

	+ Cuối câu có dấu gì? Vì sao? - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. - GV gọi HS trình bày kết quả (nối A với B, nói tên dấu câu). - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	→ GV chiếu đồng hồ 2 phút đếm ngược. → Cách 2: Khi chữa bài GV có thể hỏi theo hướng ngược lại. VD: *Câu Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học* có thể nối với ý nào ở cột B? Cuối câu kể lại sự việc thường sử dụng dấu câu nào? …)	+ Câu hỏi điều chưa biết là câu số 2: Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn? + Câu này có thể nối với câu a ở cột B. + Vì đây là câu hỏi điều mình muốn biết. Cuối câu có dấu chấm hỏi. - HS làm việc cá nhân. - Một số HS trình bày kết quả trước lớp. - Dưới lớp nhận xét. *Đáp án:* *+ Câu 1 (Hằng ngày hai bạn thường rủ nhau đi học.) nối với ý b (Kể lại sự việc)* *+ Câu 3 (Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!) nối với ý c (Bộc lộ cảm xúc)*
4. Củng cố, dặn dò ***Mục tiêu:*** Ghi nhớ, khắc sâu nội dung bài.	- GV hỏi: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu câu gì? + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu câu gì?	→ GV kết hợp chiếu slide vẽ sơ đồ tư duy tổng kết về ba dấu câu đã học. → GV trình chiếu 3 câu thơ về 3 dấu câu. Học sinh sẽ dễ ghi nhớ và hứng thú hơn.	- HS trả lời: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu hỏi chấm. + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu chấm.

	+ Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu câu gì? - Hãy đặt 1 câu có sử dụng dấu chấm/ dấu chấm hỏi/ dấu chấm than. - Trò chơi: Điều chế Vắcxin - GV hỏi: Hôm nay, em đã được học những nội dung gì? - GV tóm tắt nội dung chính. - Nhận xét tiết học, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau.	→ Cho HS chơi, trả lời đc 4 câu hỏi liên quan đến ND bài học, mỗi câu hỏi tương ứng với 1 chất để hoàn thành liều vacxin phòng chống covid.	+ Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu chấm than. - HS thực hành đặt câu. - HS tham gia trò chơi - HS chia sẻ về những nội dung đã học. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe và ghi nhớ thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

** Tách thành KHDH trực tuyến*

Sản phẩm: Xem mục 2.2

Bước 3: Xây dựng kho học liệu

1. Video Lớp chúng ta đoàn kết (2’30”) (nhúng trong pptx)
2. Video sự phát triển của nòng nọc thành ếch (20”) (nhúng trong pptx)
3. Video: Trò chơi wordwall
4. Trò chơi phần củng cố (Điều chế vacxin).

Xem Thư mục Kho học liệu (phụ lục 2-5)

Bước 4: Thiết kế bài giảng giảng điện tử

Xem Thư mục Kho học liệu (Phụ lục 6)

Bước 5: Chạy thử, chỉnh sửa và hoàn thiện

Chạy thử phát hiện các lỗi, chỉnh sửa, hoàn thiện và đóng gói.

1.1.4. Một số lưu ý trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy trực tuyến trong môn Tiếng Việt

1.1.4.1. Về việc xác định yêu cầu cần đạt

- Yêu cầu cần đạt cần được công bố từ đầu bài học, đầu giờ học, dễ dàng cho người học theo dõi nội dung bài học.

- Yêu cầu cần đạt của mỗi bài học cần nêu rõ: Học sinh thực hiện được việc gì, có thêm hiểu biết gì, vận dụng được những gì trong bài học Tiếng Việt vào thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực nào (nhất là thành tố của năng lực ngôn ngữ và văn học) ?

Lưu ý: YCCĐ cần xác định khả thi trong điều kiện dạy học trực tuyến về thời lượng, về thiết bị dạy học cũng như những yêu cầu thực hành.

1.1.4.2. Về việc xác định nội dung và các nguồn học liệu

- Khi thiết kế bài dạy trực tuyến môn Tiếng Việt, cần kết hợp xem xét nội dung SGK và mục tiêu, yêu cầu cần đạt nêu trong chương trình, trong SGV để có thể xác định rõ nội dung trọng tâm, cốt lõi của bài học, từ đó tập trung vào những mục tiêu quan trọng nhất có thể tạo được cơ hội để HS được tham gia vào các hoạt động học tập hướng đến phát triển NL đặc thù môn học và PC, NL chung.

- Xác định nội dung học tập nào trong SGK phù hợp với DHTT, nội dung nào chưa phù và cần có sự chuyển đổi để tiến hành dạy học trực tuyến hiêu jquar hơn (tránh lạm dụng công nghệ, thay đổi/ điều chỉnh/ chuyển đổi tất cả nội dung của bài học. (Chẳng hạn, với nội dung dạy viết đoạn văn, bài văn tả đồ vật, tả con vật, cảnh vật..., HS cần được tận mắt quan sát đồ vật, con vật, cảnh vật,... trong thực tiễn mới có thể cảm nhận chân thực về sự vật nhờ sự huy động cách thức cảm nhận của nhiều giác quan. Nếu GV chỉ trình chiếu các hình ảnh đồ vật, con vật, cảnh vật... thì nội dung dạy học đó chưa đúng yêu cầu và chưa đạt hiệu quả).

- Lựa chọn/ thiết kế nội dung và tài nguyên / tư liệu DH môn Tiếng Việt trực tuyến đáp ứng phong cách học tập đa dạng của HS và đáp ứng yêu cầu DH phân hóa. Nếu chỉ trình chiếu nội dung học tập trong SGK (nội dung trình bày trên sách giấy) thì chưa phát huy thế mạnh/ ưu điểm công nghệ trong dạy học trực tuyến. Những cũng cần lựa chọn tư liệu/ tài nguyên (hình ảnh /video/audio/văn bản/ sơ đồ/...) sao cho phù hợp và thực sự có ý nghĩa với HS, với nội dung trọng tâm của bài học, tạo hứng thú học tập cho HS. (Chẳng hạn, đối với nội dung dạy nghi thức lời nói/ dạy nói – nghe tương tác, nếu sử dụng được những video/ những trích đoạn phim có tính "điển hình" cho HS

phân tích, nhận xét, tham khảo để có thể thực hành nghi thức giao tiếp sau đó thì giờ học sẽ sinh động, hiệu quả hơn).

- Kiểm soát thiết bị học tập của HS (máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, …) có tương thích với các ứng dụng của tài nguyên / học liệu học tập môn Tiếng Việt hay không. Khi yêu cầu HS sử dụng một phần mềm hay công cụ nào, GV cần phải tính đến sự phù hợp với lứa tuổi HS và sự tương thích của thiết bị các em dùng, tránh gây ra thời gian "chết" trong dạy học trực tuyến.

- Tài nguyên /học liệu môn Tiếng Việt được cung cấp cho người học cần đi kèm với thông tin hướng dẫn chi tiết cách thức sử dụng để HS dễ dàng thực hiện.

- Cần chú ý đến vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, trích nguồn tài nguyên rõ ràng.

1.1.4.3. Về việc lựa chọn phương pháp dạy học (PPDH)

- Điều chỉnh các PPDH đang dùng trong lớp học trực tiếp sang lớp học trực tuyến là yêu cầu tất yếu để giờ học vẫn đảm bảo hiệu quả, HS vẫn phát huy được năng lực cá nhân. Các PPDH phát huy tính chủ động học tập của HS cần được phát huy tối đa, GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn.

- PPDH vận dụng trong giờ học trực tuyến phải làm sao kết hợp chặt chẽ giữa các hoạt động tự học của mỗi HS và hoạt động làm việc hợp tác nhóm trong lớp học trực tuyến:

+ Với các nội dung có tính thực hành đơn giản hoặc những nội dung cần HS phát huy khả năng làm việc độc lập, thể hiện suy nghĩ riêng, phát huy cá tính, sẽ phù hợp với hoạt động làm việc cá nhân, làm việc độc lập.

+ Với những nội dung học tập cần tạo ra sản phẩm tổng hợp, có khối lượng công việc lớn, đòi hỏi huy động trí tuệ tập thể, tập hợp nhiều ý kiến... sẽ phù hợp với hoạt động làm việc nhóm, PPDH hợp tác.

Lưu ý: GV cần có phương án, biện pháp thích hợp trong dạy học trực tuyến để có những hỗ trợ phù hợp đối với các nhóm đối tượng HS khác nhau trong lớp (những HS gặp khó khăn với môn học, những HS cố năng khiếu, ...). Chẳng hạn, giao việc khác nhau theo nhóm, giao phiếu học tập khác nhau, đưa ra các chỉ dẫn thực hiện khác nhau, v.v...

1.1.4.4. Về cách thức lựa chọn công nghệ

- Việc lựa chọn công nghệ để triển khai DH trực tuyến môn Tiếng Việt cần đảm bảo sự phù hợp với nội dung mỗi bài học, phù hợp trình độ GV và HS. Với HS tiểu học, đặc biệt là các lớp đầu cấp, chỉ nên lựa chọn công nghệ dễ sử dụng với HS, không sử dụng nhiều phần mềm trong một tiết học,...

- Không nên sử dụng quá nhiều công cụ tương tác khác nhau trong giờ học,

khiến HS phải chú tâm vào kĩ thuật sử dụng mà lãng quên nội dung học. Trong giờ học, GV chú ý đến sự tương thích giữa các thiết bị khác nhau của HS trong lớp, đảm bảo không HS nào bị "bỏ quên" trong lớp học trực tuyến.

1.1.4.5. Lựa chọn phương pháp, hình thức KTĐG

- Phương pháp KTĐG thường xuyên trong giờ cần được thiết kế sao cho HS có thể tự đo lường mức độ đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt đặt ra ở đầu bài học.

- GV sử dụng đa dạng các hình thức đánh giá (quan sát, trắc nghiệm, tự luận, thực hành, sản phẩm, …) và áp dụng nhiều tiêu chí theo nhiều phương diện trong suốt tiến trình học tập. Sử dụng các giải pháp công nghệ để hỗ trợ kiểm tra đánh giá hiệu quả, phù hợp.

1.1.4.6. Về thiết kế các hoạt động dạy học

Giờ học trực tuyến vẫn phải đảm bảo sự tương tác giữa GV và HS theo bốn bước (CV 2345/BGDĐT-GDTH ban hành ngày 7/6/2021):

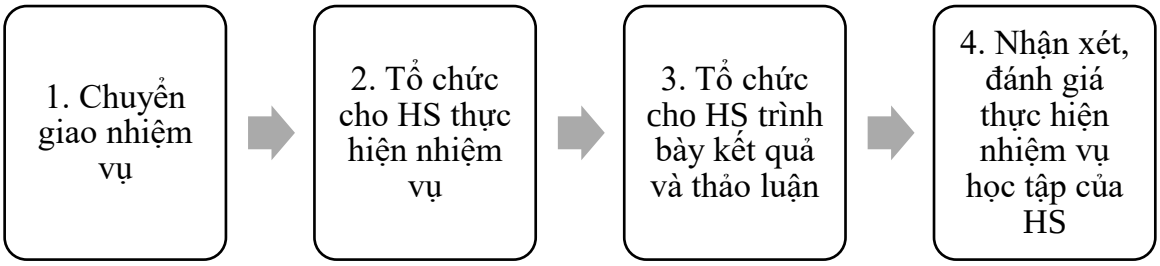

Dưới đây là một số gợi ý cụ thể để GV tổ chức thực hiện quy trình 4 bước nêu trên.

Các bước thực hiện		**Hoạt động của GV**	**Hoạt động của HS**
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ	**DH trực tiếp**	- Chuẩn bị bài dạy trực tiếp trên lớp theo SGK, SGV. - Giao nhiệm vụ trực tiếp cho HS (đọc yêu cầu và các chỉ dẫn trong SGK). - Giảng giải trực tiếp cho HS hiểu rõ nhiệm vụ	- Nghe GV nêu yêu cầu, nhận nhiệm vụ.
	DH trực tuyến	- Chuẩn bị, ghi hình bài giảng (hoặc sử dụng video bài giảng có sẵn hoặc hướng	- HS được giao tự thực hiện (nghe giảng qua video bài giảng; đọc SGK,

		dẫn HS xem video bài giảng trên truyền hình). - Giao nhiệm vụ cho HS bằng hình thức phù hợp (qua LMS hoặc công cụ thay thế);	trả lời câu hỏi) trước khi kết nối vào lớp học trực tuyến theo thời gian thực.
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	**DH trực tiếp**	- Tổ chức HS thực hiện yêu cầu ngay trong không gian lớp học (Sử dụng thời gian của bài học) - Giám sát, trực tiếp hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ - Giám sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ; - Nhận xét, đánh giá (trực tiếp với HS) trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ	- Đọc SGK và tài liệu liên quan, thực hiện nhiệm vụ trong giờ học trên lớp.
	DH trực tuyến	GV tổ chức lớp học kết nối trực tiếp để thực hiện trong không gian "lớp học ảo" (Thời gian thực hiện tương đương với thời gian sử dụng khi dạy học trực tiếp)	-Thời gian cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung bài học; HS được chủ động về thời điểm thực hiện (Ví dụ: Xem video bài giảng, trả lời câu hỏi cần khoảng 15-20 phút nhưng giao cho HS chủ động chọn thời điểm thực hiện) - Nộp kết quả học tập theo yêu cầu của GV (qua hệ thống học tập trực tuyến hoặc công cụ thay thế).
Bước 3: HS báo cáo, thảo luận về	**DH trực tiếp**	- Tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận; nhận xét, đánh giá	- Báo cáo kết quả làm việc tại lớp.

kết quả học tập. **Bước 4**: GV nhận xét, đánh giá, "chốt" kiến thức, kĩ năng		- Tổng hợp kết quả học tập (do HS thực hiện ngay tại lớp trước đó); - "Chốt" kiến thức, kĩ năng; hướng dẫn HS vận dụng, - Giao nhiệm vụ học tập cho bài học tiếp theo	- Thảo luận; nhận xét, tự đánh giá,…
	DH trực tuyến	- Tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận trong không gian "lớp học ảo" (Thời gian thực hiện tương đương với thời gian sử dụng khi dạy học trực tiếp); -Nhận xét, đánh giá HS thực hiện nhiệm vụ do HS nộp cho GV (qua LMS hoặc công cụ thay thế). - GV tổng hợp kết quả học tập (do HS gửi qua LMS hoặc công cụ thay thế trước đó); - "Chốt" kiến thức, kĩ năng; hướng dẫn HS vận dụng, giao nhiệm vụ học tập cho bài học tiếp theo	- Báo cáo, thảo luận; - Tự nhận xét, đánh giá.

1.1.5. Một số gợi ý về cách điều chỉnh nội dung dạy học trong dạy học trực tuyến trong môn Tiếng Việt

1.1.5.1. Dạy kĩ năng đọc

Hoạt động chính	Dạy học trực tiếp	Những điều chỉnh khi chuyển sang dạy học trực tuyến	Ghi chú
1.1. Đọc thành tiếng			

- Đọc mẫu) - Hướng dẫn đọc đúng từ - Hướng dẫn đọc câu - Hướng dẫn đọc đoạn / bài	- GV có thể đọc mẫu để HS nhìn vào SGK đọc theo. - HS được thực hành đọc tại lớp (đọc cá nhân, đọc theo cặp, theo nhóm theo yêu cầu của GV)	- GV cần khai thác thế mạnh của công nghệ để trình bày trên màn hình từ, câu, đoạn, bài theo các hình thức sinh động (với các hiệu ứng để chỉ dẫn HS chú ý vào nhiệm vụ trọng tâm) - HS vẫn có thể đọc cá nhân, theo cặp, theo nhóm theo cách lập nhóm của phần mềm nền tảng mà GV đang sử dụng. - Việc kiểm soát / bao quát của GV khác với dạy trực tiếp: GV vào từng phòng (nhóm) quan sát chứ không quan sát được cùng lúc nhiều nhóm.	
1.2. Đọc hiểu - HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK: + HS làm việc cá nhân, theo cặp, theo nhóm. + GV giám sát, hỗ trợ trực tiếp cá nhân/nhóm… - Thống nhất cách trả lời hoặc xác nhận các cách trả lời khác nhau.	- GV nêu lần lượt từng câu hỏi trong SGK hoặc HS tự đọc câu hỏi/ yêu cầu của SGK. - HS trả lời câu hỏi / thực hiện lần lượt các yêu cầu theo chỉ dẫn của SGK theo hình thức làm việc cá nhân, theo cặp, theo nhóm.	- GV cần khai thác thế mạnh của công nghệ để điều chỉnh/ thiết kế các câu hỏi sinh động hơn, *bằng cách:* *+ Sử dụng hình ảnh/ video/ tư liệu văn bản/ âm thanh….).* *+ Tạo các phiếu (file) bài tập khác nhau phù hợp với các nhóm HS.* *+ Trực quan hoá/ sơ đồ hoá kiến thức / nội dung học tập cho HS dễ nhớ, dễ nắm bắt nội dung học tập.*	

	- GV giám sát, hỗ trợ kịp thời các cá nhân/ nhóm tại lớp… - GV hướng dẫn HS thống nhất cách trả lời hoặc xác nhận các cách trả lời khác nhau	+ *v.v*… - Thiết kế các hình thức đánh giá mức độ hoàn thành sản phẩm học tập. v.v…	

1.1.5.2. Dạy kĩ năng viết đoạn văn, bài văn

Hoạt động chính	**Dạy học trực tiếp**	**Những điều chỉnh khi chuyển sang dạy học trực tuyến**	**Ghi chú**
2.2. Hoạt động hướng dẫn viết	- GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu, gợi ý, chỉ dẫn trong SGK - HS thực hiện các yêu cầu / chỉ dẫn theo hình thức làm việc cá nhân/ cặp/ nhóm/ cả lớp theo hướng dẫn của GV. - HS phát biểu ý kiến trực tiếp trong nhóm, trước lớp.	- GV cần trực quan hoá những chỉ dẫn/ gợi ý nêu trong SGK bằng nhiều cách thức để tạo hào hứng học tập cho HS. - GV có thể cung cấp nhiều dữ liệu/ tư liệu đa dạng để cung cấp "chất liệu", mở mang hiểu biết cho HS hình thành ý tưởng, nội dung để viết được đoạn văn, bài văn. - HS có thể có nhiều thời gian chuẩn bị bài hơn.	
2.3. Hoạt động thực hành viết	HS thực hành viết tại lớp theo thời gian quy định.	HS có thể làm theo thời gian thực tế (sau thời gian trực tuyến)	

1.2. THIẾT KẾ BÀI DẠY TIẾNG VIỆT TRÊN TRUYỀN HÌNH

1.2.1. Nguyên tắc thiết kế bài dạy trên truyền hình

Xây dựng kế hoạch bài dạy trên truyền hình đó là bước cơ bản để xây dựng kịch bản ghi hình và đưa lên truyền hình tuy nhiên công việc này vẫn cần tuân thủ bốn nguyên tắc đã trình bày trọng mục 1.1.1. Điểm khác chính là từ việc khảo sát các phương tiện mà HS sử dụng để học qua mạng rất hạn chế, phần lớn thiếu máy tính, điện thoại thông minh thì chúng phải lựa chọn dạy học trên truyền hình. Dạy học trên truyền hình là một chiều không có sự tương tác trực tiếp kể cả qua lớp học ảo nên người thiết kế phải chú ý lựa chọn các kiến thức bắt buộc, cơ bản để dạy. Phải lựa chọn các phương pháp và hình thức thời điểm đánh giá phù hợp với dạy học trên truyền hình.

1.2.2. Quy trình thiết kế

Bước 1: Thiết kế kế hoạch bài dạy trực tiếp

Bước 2: Phân tích, chuyển đổi tương ứng từ KHBD trực tiếp sang KHBD trên truyền hình

Bước 3: Xây dựng kho học liệu

Bước 4: Xây dựng kịch bản ghi hình

Bước 5: Quay và hoàn thiện bài giảng trên truyền hình

1.2.3. Vận dụng quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tuyến

Bước 1: Thiết kế Thiết kế kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học (kế hoạch bài dạy trực tiếp)

Kế hoạch bài dạy trực tiếp (Xem mục 2.1)

Bước 2: Phân tích, chuyển đổi tương ứng từ KHBD trực tiếp sang KHBD trên truyền hình

Trường TH.....	**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TRUYỀN THỐNG – TRUYỀN HÌNH – TUẦN 10**
Giáo viên:	
Lớp: 2	**Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ**
Môn: Tiếng Việt	**Bài 18: Tớ nhớ cậu**
Ngày dạy: ...../...../2021	**Tiết 4: Luyện từ và câu**
	Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè
	Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than

KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRUYỀN THỐNG	KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRÊN TRUYỀN HÌNH
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT **1. Về năng lực** **a. Phát triển các năng lực đặc thù** **** Năng lực ngôn ngữ*** - Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. - Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp. - Rèn kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. - Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè. **** Năng lực văn học*** Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch). **b. Phát triển năng lực chung** Tập trung vào năng lực tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.	**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT** **1. Về năng lực** **a. Phát triển các năng lực đặc thù** **** Năng lực ngôn ngữ*** - Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. - Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp. - Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè (sau khi xem bài trên truyền hình). **** Năng lực văn học*** Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch). **b. Phát triển năng lực chung:** → Tập trung vào năng lực: + Tự chủ - tự học + Giải quyết vấn đề.

2. Về phẩm chất - **Nhân ái**: Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn. - **Trách nhiệm**: Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.	**2. Về phẩm chất** - **Nhân ái**: Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn.
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC **1. Giáo viên** - Máy tính, máy chiếu; slide tranh minh họa (tranh minh hoạ nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch). - Phiếu học tập luyện tập về từ và câu. Thẻ từ. **2. Học sinh** - Sách giáo khoa Tiếng Việt 2 - Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li.	**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** **1. Giáo viên** - Máy tính; video bài hát Lớp chúng ta đoàn kết; bài giảng power point slide có hình minh họa nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch, video sự phát triển từ nòng nọc thành ếch. - Trò chơi củng cố, trò chơi trên wordwall. **2. Học sinh** - Ti vi - Sách giáo khoa Tiếng Việt 2 - Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li. (Làm sau buổi học trên truyền hình).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tiến trình tiết dạy	Hoạt động của GV	Kịch bản trên truyền hình	Hoạt động của HS
1. Khởi động ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS trước khi	- Tổ chức cho HS hát và vận động theo bài hát: *Lớp chúng ta đoàn kết.*	Chiếu slide tên bài học. 	- HS hát và vận động theo bài hát.

vào bài mới và kết nối vào bài.	- GV nêu câu hỏi: Bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai?	GV dẫn dắt: Các em đứng vận động theo bài hát Lớp chúng ta đoàn kết và nhớ xem lớp chúng ta trong bài hát có những đặc điểm gì nhé! (08”) Video bài hát Lớp chúng ta đoàn kết. (2’30’’) https://www.youtube.com/watch?v=tpmiHafIa88 - GV hỏi: Bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai? Đúng rồi, bài hát nói đến tình cảm của các bạn trong lớp với nhau các em ạ! Cô chiếu slide có nhấn vào các từ ngữ nói về đặc điểm của lớp chúng ta trong bài hát và đọc lên: Lớp chúng mình *vui, chan hòa, keo sơn, quý mến, thi đua, kết đoàn, giúp đỡ nhau. (15”)* 	- Trong bài hát nói đến tình cảm bạn bè. - HS chú ý.

	- GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đến với bài học ngày hôm nay. - GV ghi tên bài.	- GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đến với bài học ngày hôm nay.*(6")*	- HS nhắc lại, mở vở ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.	**BT1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè** - Yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài. - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bốn: trao đổi để tìm ra các từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. - GV tổ chức chữa bài trước lớp bằng trò chơi: *Ai nhanh - Ai đúng.* - GV chia lớp thành 3 đội chơi, chia bảng lớp thành 3 phần và	**BT1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè** GV đọc yêu cầu của bài. Màn hình xuất hiện đề bài bài tập 1. (5") GV: Các em giỏi lắm, các em dễ dàng tìm được các từ chỉ tình cảm bạn bè: *thân thiết, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, yêu quý, giận hờn, chân thành, tôn trọng, thắm thiết, thương yêu,giúp đỡ…* GV đọc đến đâu, các từ sẽ hiện lên tới đó.	- HS nêu yêu cầu bài - HS làm việc nhóm: Nối tiếp nhau tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè: *VD: thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi,…* - Các nhóm cử đại diện tham gia trò chơi. Mỗi đội 5 thành viên.

	phát cho mỗi đội 1 bộ thẻ: Các đội viết nhanh vào thẻ những từ ngữ tìm được và gắn nhanh thẻ từ lên bảng. Đội nào tìm được nhiều, đúng và nhanh là đội thắng cuộc. **- GV cùng HS chốt: *từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè gồm thân, quý, mến, thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, ...*** - GV nhận xét, khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ đúng. - Mở rộng: Trong những từ ngữ các em vừa tìm được, có những từ ngữ nào chỉ hành động? Những từ	 Cách 2: Quay việc HS (Lớp khác) diễn việc làm bài tập: học sinh đọc từ nào thì trên màn hình sẽ xuất hiện từ đó theo đúng kịch bản) - Mở rộng: GV: Trong những từ ngữ các em vừa tìm được, có những từ ngữ nào chỉ hành động? Những từ ngữ nào thể hiện tình cảm? Màn hình xuất hiện 2 cột:từ chỉ hành động, từ chỉ tình cảm.	- Dưới lớp theo dõi, cổ vũ, bình chọn đội thắng cuộc. - HS lắng nghe và ghi nhớ. - HS suy nghĩ, trả lời: + những từ ngữ chỉ hành động như:

	ngữ nào thể hiện tình cảm?	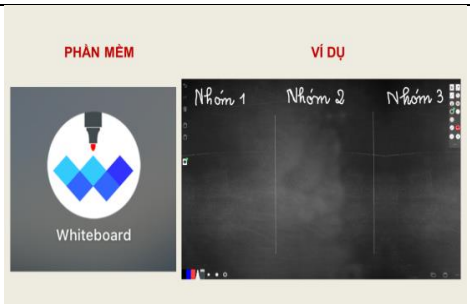 GV: Các em rất giỏi, các em đã phân chia đúng rồi đấy! 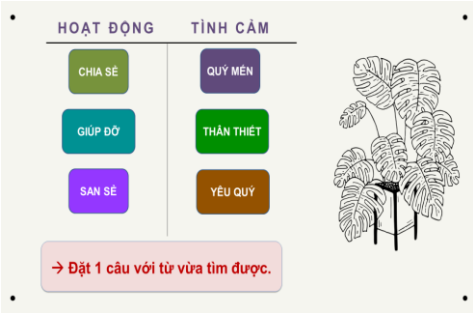 Những từ ngữ chỉ hành động là: *giúp đỡ, chia sẻ, san sẻ*; từ ngữ thể hiện tình cảm: *quý mến, thân thiết, yêu quý,…* GV nói tới đâu màn hình xuất hiện từ ngữ tới đó. (15”) GV: Các em hãy đặt 1 câu chứa 1 từ vừa tìm được nhé!	*giúp đỡ, chia sẻ*; từ ngữ thể hiện tình cảm: *thân, quý, mến, thân thiết, quý mến.*
3. Thực hành, vận dụng ***Mục tiêu:*** Hoàn thành đoạn văn về	+ Hãy đặt 1 câu chứa 1 từ vừa tìm được. **BT2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.**	<u>**Bài tập 2**</u> GV: Bây giờ, chúng ta cùng nhau làm bài tập 2 nào! Màn hình xuất hiện yêu cầu của bài tập 2	- 2, 3 HS thực hành đặt câu. Đây là phần GV mở rộng nên chỉ nêu yêu cầu và HS sẽ làm sau khi hết buổi học.

tình bạn, hiểu hoạt động của bạn bè. Luyện tập sử dụng dấu chấm, chấm hỏi, chấm cảm phù hợp với nội dung câu.	- GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập. - GV giúp HS xác định rõ yêu cầu của bài. - GV hỏi: Trong đoạn văn có nhắc đến con nòng nọc. Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe?	 BÀI TẬP 2 Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông. (*nhỏ, tươi vui, thân thiết, vui đùa*) Cá nhỏ và nòng nọc là đôi bạn ▨. Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nòng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn ▨ cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao ▨ cùng cá nhỏ. - GV: Đọc yêu cầu bài tập 2. - GV hỏi: Trong đoạn văn có nhắc đến con nòng nọc. Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe? → GV chiếu slide hình ảnh con nòng nọc. → GV cho học sinh xem clip dài khoảng 20 giây về sự tiến hoá từ nòng nọc thành ếch để các em hình dung rõ hơn.	- 2, 3 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm. - HS chú ý lắng nghe. - HS chia sẻ trước lớp hiểu biết của mình về con nòng nọc. VD: Nòng nọc là động vật lưỡng cư khi còn nhỏ thường sống dưới nước. Tuy nhiên có 1 số nòng nọc sống trên cạn. Nó không tay hay chân cho đến khi trưởng thành và nó có một cái đuôi, dùng để bơi như cá. - HS thực hiện yêu cầu.

		   https://www.youtube.com/watch?v=wr5wwgXWJEE (20”)	- HS xem video
	- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp. - GV mời đại diện một nhóm lên trước lớp trình bày kết quả thảo luận. **- GV và HS nhận xét đánh giá, thống nhất đáp**	GV chơi trò chơi bằng cách thao tác trên chuột để kéo từ vào đúng ô trống. Trò chơi wordwall GV: Chắc các em ngồi trước màn hình đều có thể chiến thắng trong trò chơi này. Các em cùng cô đọc lại đoạn văn	- HS nêu nhận xét.

	án*: thân thiết, nhớ, vui đùa.* - GV hỏi thêm: Đoạn văn trên nói về tình bạn giữa ai với ai? Tại sao cá nhỏ phải nhớ nòng nọc? - GV mời một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện. **BT3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.** - GV gọi HS nêu yêu cầu. - GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập. - Gọi HS đọc các ý ở từng cột. - GV chiếu bài tập lên bảng và đánh số thứ tự 1, 2, 3 ở	sau khi chúng mình đã cho từ vào đúng ô trống nhé! GV: Đoạn văn trên nói về tình bạn giữa ai với ai? Các em đều dễ dàng nhận thấy: đoạn văn nói về tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc. Bạn nào giỏi cho cô biết: Tại sao cá nhỏ phải nhớ nòng nọc? À, vì nòng nọc hoá thành ếch phải lên bờ bắt đầu cuộc sống trên cạn. Vì nòng nọc thành ếch phải xa cá con. **Bài tập 3: GV:** Bây giờ, chúng ta cùng nhau sang bài tập cuối cùng của bài hôm nay. GV: Các em cùng cô đọc yêu cầu bài tập 3 nhanh nào! GV: Các bạn suy nghĩ trong đầu và vung tay để nối giúp cô nào! Và nhớ nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu đấy! Bắt đầu từ câu thứ nhất của cột A nhé! GV: Cô giáo vung tay đồng thời trên màn hình nối các câu A với B	- Tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc. - Vì nòng nọc hoá thành ếch và phải lên bờ bắt đầu cuộc sống trên cạn. - Một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện, cả lớp đọc thầm. - HS đọc yêu cầu của bài tập 3 trong SHS. - HS xác định yêu cầu bài. - 2 HS đọc. - HS thực hành mẫu: + Câu hỏi điều chưa biết là câu số

	cột A; a, b, c ở cột B. - GV hướng dẫn mẫu: + Cho cô biết ở cột A, câu nào là câu hỏi điều chưa biết? + Câu này có thể nối với ý nào ở cột B? + Cuối câu có dấu gì? Vì sao? - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. - GV gọi HS trình bày kết quả (nối A với B, nói tên dấu câu). - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	 Câu hỏi điều chưa biết là câu số 2: Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn? + Câu này có thể nối với câu a ở cột B. + Vì đây là câu hỏi điều mình muốn biết. Cuối câu có dấu chấm hỏi. - HS làm việc cá nhân. *+ Câu 1 (Hằng ngày hai bạn thường rủ nhau đi học.) nối với ý b (Kể lại sự việc)* *+ Câu 3 (Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!) nối với ý c (Bộc lộ cảm xúc)* GV chốt lại đáp án: 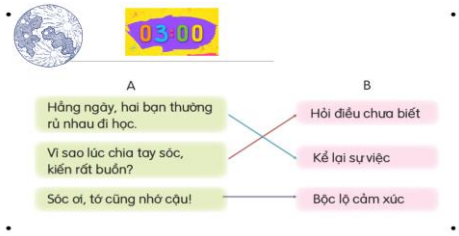	2: Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn? + Câu này có thể nối với câu A ở cột B. + Vì đây là câu hỏi điều mình muốn biết. Cuối câu có dấu chấm hỏi. - HS làm việc cá nhân. - Một số HS trình bày kết quả trước lớp. - Dưới lớp nhận xét. *Đáp án:* *+ Câu 1 (Hằng ngày hai bạn thường rủ nhau đi học.) nối với ý b (Kể lại sự việc)* *+ Câu 3 (Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!) nối với ý c (Bộc lộ cảm xúc)*
4. Củng cố, dặn dò ***Mục tiêu:*** Ghi nhớ,	**GV hỏi:**		

khắc sâu nội dung bài.	**+ Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu câu gì?** **+ Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu câu gì?** **+ Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu câu gì?** - Hãy đặt 1 câu có sử dụng dấu chấm/ dấu chấm hỏi/ dấu chấm than. - Trò chơi: Điều chế Vắcxin - GV hỏi: Hôm nay, em đã được học những nội dung gì? - GV tóm tắt nội dung chính. (GV kết thêm bằng văn vần để HS nhớ tác dụng của 3 dấu câu: + Chấm hỏi để hỏi bao điều/ Hỏi	GV chốt lại tác dụng của từng dấu câu: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu hỏi chấm. + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu chấm. + Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu chấm than. → GV kết hợp chiếu slide vẽ sơ đồ tư duy tổng kết về ba dấu câu đã học. 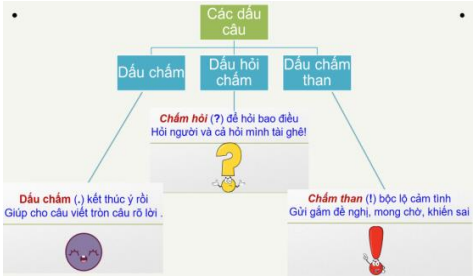 →Vì covid 19 mà chúng ta không được gặp nhau ở lớp. Chúng ta phải điều chế vacxin phòng chống covid thôi. Mỗi câu trả lời đúng của các em sẽ giúp nhà khoa học tìm ra 1 chất để hoàn thành liều vacxin phòng chống covid đấy! Nào chúng ta cùng hỗ trợ nhà khoa học nào!	- HS trả lời: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu hỏi chấm. + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu chấm. + Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu chấm than. - HS thực hành đặt câu. - HS tham gia trò chơi

	người và cả hỏi mình tài ghê. + Dấu chấm kết thúc ý rồi/ Giúp cho câu viết tròn câu rõ lời. + Chấm than bộc lộ cảm tình/ Gửi gắm đề nghị, mong chờ, khiến sai. - Nhận xét tiết học, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau.	 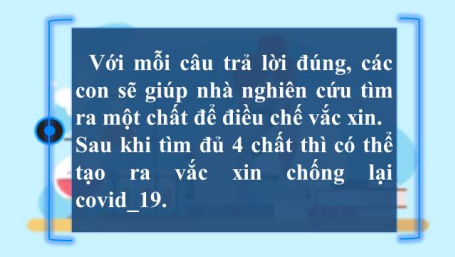 Màn hình chiếu lần lượt 4 câu hỏi và đáp án trả lời. Cô chắc hẳn tất cả các em ngồi trước màn hình đều rất giỏi ai cũng trả lời được cả 4 câu nghĩa là đã giúp nhà khoa học của chúng ta tìm ra 4 chất để điều chế covid 19. Các em học hành giỏi thì chắc chắn chúng ta sẽ nhanh đánh bay covid thôi. GV: Cô cảm ơn các em đã cù cô hoàn thành bài học Luyện từ	- HS chia sẻ về những nội dung đã học. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe và ghi nhớ thực hiện.

		câu Mở rộng vốn từ về tình c bạn bè; dấu chấm, chấm hỏi, chấm than *ngày hôm nay. Các* *về tìm thêm các từ nói về tình b* *và đặt câu kể lại sự việc, hỏi đ* *chưa biết, bộc lộ cảm xúc và n* *lựa chọn các dấu câu (?,., !) p* *hợp nhé! Cô chào các em!*	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

** Tách thành KHDH trực tuyến*

Sản phẩm: Xem mục 2.3

Bước 3: Xây dựng kho học liệu

1. Video Lớp chúng ta đoàn kết (2’30”) (nhúng trong pptx)
2. Video sự phát triển của nòng nọc thành ếch (20”) (nhúng trong pptx)
3. Video: Trò chơi wordwall
4. Trò chơi phần củng cố (Điều chế vacxin).

Xem Thư mục Kho học liệu (Phụ lục 2-6)

Bước 4: Xây dựng kịch bản ghi hình

Phối hợp với kĩ thuật quay phim, phân cảnh, slide, kênh hình, kênh chữ, xác định thời gian để tạo kịch bản ghi hình.

Bước 5: Quay và hoàn thiện bài giảng trên truyền hình

Phối hợp từ góc độ chuyên môn với kĩ thuật viên truyền hình để quay và hoàn thiện, đóng gói bài giảng truyền hình.

1.2.4. Vai trò của giáo viên trong dạy học trên truyền hình

Hiện nay, có ba hình thức dạy học trên truyền hình gồm: Dạy học trên truyền hình thụ động, Dạy học trên truyền hình tương tác, Dạy học trên truyền hình trực tiếp. Dạy học trên truyền hình có thể được triển khai ở phạm vi rộng, thậm chí ở quy mô

quốc gia và ai cũng có thể tiếp cận. Phương thức này sẽ chứng minh tính kinh tế và hiệu quả, kể cả trong trường hợp được triển khai như một phương án hỗ trợ cho dạy học trực tiếp. Hơn nữa, dạy học trên truyền hình có thể được tổ chức ở những thời điểm khác nhau trong ngày, các ngày khác nhau trong tuần. Thêm vào đó, với công nghệ truyền hình hiện đại, học sinh có thể xem lại hoặc tạm dừng khi cần thiết để dành thời gian nhiều hơn cho một hoạt động học tập. Nói cách khác, dạy học trên truyền hình sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của dạy học phân hoá, một trong những định hướng trọng tâm của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Xuất phát từ những đặc điểm đó, khi tiến hành tổ chức dạy học trên truyền hình đòi hỏi cần phải huy động sự hỗ trợ của GV chủ nhiệm hoặc GV bộ môn, của phụ huynh để bài dạy trên truyền hình phát huy được hiệu quả tối ưu trong quá trình dạy học. Chính những GV này sẽ đóng vai trò "cầu nối" giúp HS chủ động học tập, khám phá và chiếm lĩnh kiến thức qua mỗi bài dạy trên truyền hình. Do vậy, sau khi nhà trường phân công GV hướng dẫn HS thực hiện các buổi học trên truyền hình, vai trò của GV sẽ được thể hiện rất rõ trong tiến trình như dưới đây:

- GV thông báo lịch phát sóng cho HS, phối hợp với gia đình theo dõi bằng các hình thức khác nhau (gửi qua email; Zalo; Facebook…). Đồng thời, GV thông báo trước những nhiệm vụ HS phải chuẩn bị và hoàn thành. Ví dụ như: chụp lại vở ghi bài, các sản phẩm của các hoạt động theo video trên truyền hình (nếu có), hình ảnh HS theo dõi bài dạy (nếu có).

- Trong quá trình tổ chức dạy học trên truyền hình, GV phụ trách môn học trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:

+ Có kế hoạch kiểm tra vở ghi bài và làm bài tập theo video bài giảng trên truyền hình của học sinh.

+ Có kế hoạch kiểm tra các nhiệm vụ học tập.

- Để giờ học có hiệu quả, GV cần đặc biệt chú ý phối hợp với gia đình HS, đảm bảo sự an toàn cho các em khi học trên truyền hình. Gia đình cần theo dõi sát sao việc học của HS, đảm bảo thực hiện đúng những nội dung bài học được phát trên truyền hình.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA

2.1. Kế hoạch bài dạy Tiếng Việt (theo 2345/BGDĐT-GDTH)

Trường TH.....	**KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 10**
Giáo viên:	**Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ**
Lớp: 2	**Bài 18: Tớ nhớ cậu**
Môn: Tiếng Việt	**Tiết 4: Luyện từ và câu**
Ngày dạy: ...../...../2021	**Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè**
	Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về năng lực: ***Sau bài học, HS có khả năng phát triển các năng lực sau:***

a. Phát triển các năng lực đặc thù

**** Năng lực ngôn ngữ***

- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.
- Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp.
- Rèn kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.
- Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè.

* ***Năng lực văn học***

Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch).

b. Phát triển năng lực chung: tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Về phẩm chất

- **Nhân ái**: Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè; biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn.
- **Trách nhiệm**: Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu; slide tranh minh họa (tranh minh hoạ nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch).

- Phiếu học tập luyện tập về từ và câu. Thẻ từ.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa Tiếng Việt 2
- Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tiến trình tiết dạy	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối vào bài.	- Tổ chức cho HS hát và vận động theo bài hát: *Lớp chúng ta đoàn kết.* - GV nêu câu hỏi: Trong bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai? - GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đi vào bài học ngày hôm nay. - GV ghi tên bài.	- HS hát và vận động theo bài hát. - Trong bài hát nói đến tình cảm bạn bè. - HS chú ý. - HS nhắc lại, mở vở ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.	**BT1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè** - Yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài. - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bốn: trao đổi để tìm ra các từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. - GV tổ chức chữa bài trước lớp bằng trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng. - GV chia lớp thành 3 đội chơi, chia bảng lớp thành 3 phần và phát cho mỗi đội 1 bộ thẻ: Các đội viết nhanh	- HS nêu yêu cầu bài - HS làm việc nhóm: Nối tiếp nhau tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè: *VD: thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, ...*

	vào thẻ những từ ngữ tìm được và gắn nhanh thẻ từ lên bảng. Đội nào tìm được nhiều, đúng và nhanh là đội thắng cuộc. - GV cùng HS chốt: *từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè gồm thân, quý, mến, thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, ...* - GV nhận xét, khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ đúng. - Mở rộng: Trong những từ ngữ các em vừa tìm được, có những từ ngữ nào chỉ hành động? Những từ ngữ nào thể hiện tình cảm? + Hãy đặt 1 câu chứa 1 từ vừa tìm được. **BT2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập. - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài. - GV hỏi: Trong đoạn văn có nhắc đến con nòng nọc. Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe? (GV chiếu hình ảnh nòng nọc và ếch cho HS theo dõi)	- Các nhóm cử đại diện tham gia trò chơi. Mỗi đội 5 thành viên. - Dưới lớp theo dõi, cổ vũ, bình chọn đội thắng cuộc. - HS lắng nghe và ghi nhớ. - HS suy nghĩ, trả lời: + những từ ngữ chỉ hành động như: *giúp đỡ, chia sẻ*; từ ngữ thể hiện tình cảm: *thân, quý, mến, thân thiết, quý mến.* - 2, 3 HS thực hành đặt câu. - 2, 3 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm. - HS chú ý lắng nghe. - HS chia sẻ trước lớp hiểu biết của mình về con nòng nọc. VD: Nòng nọc là động vật lưỡng cư khi còn nhỏ

		thường sống dưới nước tuy nhiên có 1 số nòng nọc sống trên cạn. Nó không tay hay chân cho đến khi trưởng thành và một cái đuôi mà nó dùng để bơi như cá.
3. Thực hành, vận dụng đặt câu ***Mục tiêu:*** Hoàn thành đoạn văn về tình bạn, hiểu hoạt động của bạn bè. Luyện tập sử dụng dấu chấm, chấm hỏi, chấm cảm phù hợp với nội dung câu.	- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp. - GV mời đại diện một nhóm lên trước lớp trình bày kết quả thảo luận. - GV và HS nhận xét đánh giá, thống nhất đáp án*: thân thiết, nhớ, vui đùa.* - GV hỏi thêm: Em có nhận xét gì về tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc? - GV mời một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện.	- HS làm việc theo cặp. Ghi kết quả ra giấy nháp. - Đại diện một nhóm lên trước lớp trình bày kết quả thảo luận. - HS chú ý. - HS nêu nhận xét. - Một HS đọc đoạn văn đã hoàn thiện, cả lớp đọc thầm.
	BT3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu. - GV gọi HS nêu yêu cầu. - GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập. - Gọi HS đọc các ý ở từng cột. - GV chiếu bài tập lên bảng và đánh số thứ tự 1, 2, 3 ở cột A; a, b, c ở cột B. - GV hướng dẫn mẫu: + Cho cô biết ở cột A, câu nào là câu hỏi điều chưa biết?	- HS đọc yêu cầu của bài tập 3 trong SHS. - HS xác định yêu cầu bài. - 2 HS đọc. - HS thực hành mẫu:

	+ Câu này có thể nối với ô chữ nào ở cột B? + Cuối câu có dấu gì? Vì sao? - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. - GV gọi HS trình bày kết quả (nối A với B, nói tên dấu câu). - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	+ Câu hỏi điều chưa biết là câu số 2: Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn? + Câu này có thể nối với câu a ở cột B. + Vì đây là câu hỏi điều mình muốn biết. Cuối câu có dấu chấm hỏi. - HS làm việc cá nhân. - Một số HS trình bày kết quả trước lớp. - Dưới lớp nhận xét. *Đáp án:* *+ Câu 1 (Hằng ngày hai bạn thường rủ nhau đi học.) nối với câu b (Kể lại sự việc)* *+ Câu 3 (Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!) nối với câu c (Bộc lộ cảm xúc)*
4. Củng cố, dặn dò ***Mục tiêu:*** Ghi nhớ, khắc sâu nội dung bài.	-GV hỏi: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu câu gì? + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu câu gì? + Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu câu gì? - Hãy đặt 1 câu có sử dụng dấu chấm/ dấu chấm hỏi/ dấu chấm than. - GV nhận xét, đánh giá. - GV hỏi: Hôm nay, em đã được học những nội dung gì? - GV tóm tắt nội dung chính. - Nhận xét tiết học, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.	- HS trả lời: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu hỏi chấm. + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu chấm. + Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu chấm than. - HS thực hành đặt câu.

	- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau.	- HS chia sẻ về những nội dung đã học. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

……

……

……

2.2. Kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trực tuyến

Trường TH.....

Giáo viên:

Lớp: 2

Môn: Tiếng Việt

Ngày dạy: ...../...../2021

KẾ HOẠCH DẠY HỌC TRỰC TUYẾN (ONLINE) –TUẦN 10

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

Bài 18: Tớ nhớ cậu

Tiết 4: Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về năng lực: ***Sau bài học, HS có khả năng phát triển các năng lực sau:***

a. Phát triển các năng lực đặc thù

**** Năng lực ngôn ngữ***

- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.
- Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp.
- Rèn kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.
- Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè.

**** Năng lực văn học***

Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch).

b. Phát triển năng lực chung: tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Về phẩm chất

- *Nhân ái:* Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Máy tính; video bài hát Lớp chúng ta đoàn kết; bài giảng power point slide có hình minh họa nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch, video sự phát triển từ nòng nọc thành ếch.
- Trò chơi củng cố, trò chơi trên wordwall.

2. Học sinh

- Máy tính/laptop/điện thoại thông minh
- Sách giáo khoa Tiếng Việt 2
- Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU		
Tiến trình tiết dạy	**Hoạt động của GV**	**Hoạt động của HS**
1. Khởi động ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối vào bài.	- GV mở video cho HS hát và yêu cầu các con đứng vận động theo bài hát: *Lớp chúng ta đoàn kết.* - GV nêu câu hỏi: *Bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai?* - GV dẫn dắt vào bài mới: *Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đến với bài học ngày hôm nay.* - GV chiếu tên bài học.	- HS hát và vận động theo bài hát. - Trong bài hát nói đến tình cảm bạn bè. - HS chú ý, mở vở ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.	**BT1: Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.** - GV sử dụng tính năng Breakout rooms trên Zoom để chia nhóm HS thảo luận (time: 5 phút – phòng sẽ tự động đóng sau khi hết time) + Mỗi nhóm cử 1 HS làm nhóm trưởng, ghi lại các từ nhóm mình tìm được ra giấy. + GV hướng dẫn HS gửi trợ giúp về phiên chính để cô đến từng phòng nếu cần thiết. + Các nhóm có thể trở về phiên chính trước time nếu thảo luận xong sớm.	- HS làm việc nhóm *VD: thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi,...* - Các nhóm cử đại diện tham gia trò chơi. Mỗi đội 5 thành viên.

	- GV có thể sử dụng tính năng Chia sẻ bảng trắng Sharescreen\ Whiteboard + Chia bảng thành ba cột. + Cấp quyền điều khiển chuột từ xa cho 15 học sinh (mỗi nhóm 5 bạn). + HS sử dụng bút trong Whiteboard để viết vào phần bảng của nhóm mình. - GV cùng HS chốt: *từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè gồm thân, quý, mến, thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, ...* - GV nhận xét, khen ngợi các nhóm tìm được nhiều từ ngữ đúng. - Mở rộng: *Trong những từ ngữ các em vừa tìm được, có những từ ngữ nào chỉ hành động? Những từ ngữ nào thể hiện tình cảm?* *+ Hãy đặt 1 câu chứa 1 từ vừa tìm được.*	- HS lắng nghe và ghi nhớ. - HS suy nghĩ, trả lời: + Những từ ngữ chỉ hành động như: *giúp đỡ, chia sẻ*; từ ngữ thể hiện tình cảm: *thân, quý, mến, thân thiết, quý mến.* - 2, 3 HS thực hành đặt câu.
3. Thực hành, vận dụng ***Mục tiêu:*** Hoàn thành đoạn văn về tình bạn, hiểu hoạt động	**BT2: Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.** - GV giúp HS xác định rõ yêu cầu của bài. - GV chiếu slide hình ảnh con nòng nọc.	- HS chú ý lắng nghe. - HS chia sẻ hiểu biết của mình về con nòng nọc.

của bạn bè. Luyện tập sử dụng dấu chấm, chấm hỏi, chấm cảm phù hợp với nội dung câu.	- GV hỏi: *Trong đoạn văn có nhắc đến con nòng nọc. Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe?* + GV có thể thiết kế trò chơi với hình thức kéo – thả trên wordwall.net (missing word). + Sau đó, sử dụng tính năng Sharescreen trên zoom và trao quyền điều khiển chuột để học sinh có thể tự thực hiện bài. - GV và HS nhận xét đánh giá, thống nhất đáp án*: thân thiết, nhớ, vui đùa.* - GV hỏi thêm: *Đoạn văn trên nói về tình bạn giữa ai với ai?* *Tại sao cá nhỏ phải nhớ nòng nọc?* + GV cho học sinh xem clip dài khoảng 20 giây về sự tiến hoá từ nòng nọc thành ếch để các con hình dung rõ hơn. - GV đọc đoạn văn đã hoàn thiện. **BT3: Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.** - GV nói và gạch chân dưới 2 yêu cầu của bài. + Yêu cầu 1: Nối câu ở cột A với ý tương ứng ở cột B	VD: *Nòng nọc là một loài động vật lưỡng cư. khi nhỏ thường sống dưới nước. Tuy nhiên có 1 số nòng nọc sống trên cạn. Nó không tay hay chân cho đến khi trưởng thành và nó có một cái đuôi, dùng để bơi như cá.* - Tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc. - Vì nòng nọc hoá thành ếch và phải lên bờ bắt đầu cuộc sống trên cạn. - HS lắng nghe. - HS xác định yêu cầu bài.

	+ Yêu cầu 2: Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu. *(Phần này GV có thể linh hoạt chuẩn bị sẵn hiệu ứng trên slide trình chiếu, hoặc sử dụng tính năng Annotate trên thanh công cụ.)* - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. - GV chiếu đồng hồ 2 phút đếm ngược. * Cách 2: Khi chữa bài GV có thể hỏi theo hướng ngược lại. VD: *Câu Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học* có thể nối với ý nào ở cột B? Cuối câu kể lại sự việc thường sử dụng dấu câu nào? …) - GV gọi HS trình bày kết quả (nối A với B, nói tên dấu câu). - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	- HS làm việc cá nhân. - Một số HS trình bày kết quả. - HS lắng nghe.
4. Củng cố, dặn dò ***Mục tiêu:*** Ghi nhớ, khắc sâu nội dung bài	- GV hỏi: + *Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu câu gì?* + *Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu câu gì?* + *Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu câu gì?* - GV kết hợp chiếu slide vẽ sơ đồ tư duy tổng kết về ba dấu câu đã học.	- HS trả lời: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu hỏi chấm. + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu chấm. + Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu chấm than. - HS thực hành đặt câu.

	+ *Hãy đặt 1 câu có sử dụng dấu chấm/ dấu chấm hỏi/ dấu chấm than.* - GV trình chiếu 3 câu thơ về 3 dấu câu. Học sinh sẽ dễ ghi nhớ và hứng thú hơn. - Trò chơi: *Điều chế Vắcxin*. Cho HS chơi, trả lời đc 4 câu hỏi liên quan đến ND bài học, mỗi câu hỏi tương ứng với 1 chất để hoàn thành liều vacxin phòng chống covid. - GV hỏi: *Hôm nay, em đã được học những nội dung gì?* - GV tóm tắt nội dung chính. - Nhận xét tiết học, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau.	- HS tham gia trò chơi - HS chia sẻ về những nội dung đã học. - HS lắng nghe.

IV. NHỮNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

2.3. Kế hoạch bài dạy Tiếng Việt trên truyền hình

Trường TH.....	**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TRUYỀN HÌNH TUẦN 10**
Giáo viên:	
Lớp: 2	**Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ**
Môn: Tiếng Việt	**Bài 18: Tớ nhớ cậu**
Ngày dạy: ...../...../2021	**Tiết 4: Luyện từ và câu**
	Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè
	Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về năng lực: ***Sau bài học, HS có khả năng phát triển các năng lực sau:***

a. Phát triển các năng lực đặc thù

**** Năng lực ngôn ngữ***

- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm bạn bè. HS nói được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.
- Biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào chỗ trống thích hợp.
- Vận dụng viết một câu thể hiện tình cảm bạn bè (sau khi xem bài trên truyền hình).

**** Năng lực văn học***

Là bạn thực sự luôn nhớ đến nhau và đến thăm nhau (cá nhỏ và ếch).

b. Phát triển năng lực chung: Tập trung vào năng lực: Tự chủ - tự học, giải quyết vấn đề.

2. Về phẩm chất

- *Nhân ái*: Bồi dưỡng tình cảm đối với bạn bè, biết trân trọng, giữ gìn tình cảm bạn bè; cảm nhận được niềm vui khi có bạn.
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Máy tính; video bài hát Lớp chúng ta đoàn kết; bài giảng power point slide có hình minh họa nội dung bài tập: hình ảnh nòng nọc và ếch, video sự phát triển từ nòng nọc thành ếch.
- Trò chơi củng cố (Điều chế vacxin), trò chơi trên wordwall.

2. Học sinh

- Ti vi.
- Sách giáo khoa Tiếng Việt 2.
- Vở bài tập Tiếng Việt, nháp, vở ô li. (Làm sau buổi học trên truyền hình).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Tiến trình tiết dạy	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối vào bài.	- GV dẫn dắt: Các em đứng vận động theo bài hát Lớp chúng ta đoàn kết và nhớ xem lớp chúng ta trong bài hát có những đặc điểm gì nhé! (08”) Video bài hát *Lớp chúng ta đoàn kết.* (2’30’’)	- HS hát và vận động theo bài hát.
	 https://www.youtube.com/watch?v=tpmiHafIa88 - GV hỏi: *Bài hát nói đến tình cảm của ai dành cho ai?* *Đúng rồi, bài hát nói đến tình cảm của các bạn trong lớp với nhau các em ạ!* - GV chiếu slide có nhấn vào các từ ngữ nói về đặc điểm của lớp chúng ta trong bài hát và đọc lên:	- Trong bài hát nói đến tình cảm bạn bè. *VD: thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi,...*

	Lớp chúng mình *vui, chan hòa, keo sơn, quý mến, thi đua, kết đoàn, giúp đỡ nhau. (15”)* - GV dẫn dắt vào bài mới: *Vậy để biết tình cảm của bạn bè dành cho nhau như thế nào cô mời các bạn cùng đến với bài học ngày hôm nay. (6”)* - Chiếu slide tên bài học. 	- HS lắng nghe và ghi bài.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.	**BT1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè** - GV đọc yêu cầu của bài. Màn hình xuất hiện đề bài bài tập 1. - GV: *Các em giỏi lắm, các em dễ dàng tìm được các từ chỉ tình cảm*	- HS chú ý quan sát và lắng nghe.

	bạn bè: thân thiết, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, yêu quý, giận hờn, chân thành, tôn trọng, thắm thiết, thương yêu, giúp đỡ... - GV đọc đến đâu, các từ sẽ hiện lên tới đó. *** Cách 2:** Quay việc HS (Lớp khác) diễn việc làm bài tập: học sinh đọc từ nào thì trên màn hình sẽ xuất hiện từ đó theo đúng kịch bản). - GV chốt: *từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè gồm thân, quý, mến, thân thiết, gắn bó, chia sẻ, quý mến, giận dỗi, ...* - Mở rộng: GV hỏi: *Trong những từ ngữ các em vừa tìm được, có những từ ngữ nào chỉ hành động? Những từ ngữ nào thể hiện tình cảm?* + Màn hình xuất hiện 2 cột: từ chỉ hành động, từ chỉ tình cảm.	- HS quan sát. - HS lắng nghe và ghi nhớ. - HS trả lời. - HS lắng nghe và ghi nhớ.

	 - GV: *Các em rất giỏi, các em đã phân chia đúng rồi đấy*! 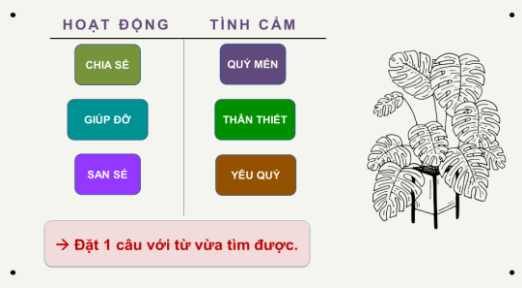 - Những từ ngữ chỉ hành động là: *giúp đỡ, chia sẻ, san sẻ*; từ ngữ thể hiện tình cảm: *quý mến, thân thiết, yêu quý,…* GV nói tới đâu màn hình xuất hiện từ ngữ tới đó. - GV: *Các em hãy đặt 1 câu chứa 1 từ vừa tìm được nhé!*	- HS suy nghĩ và trả lời. - Đây là phần GV mở rộng nên chỉ nêu yêu cầu và HS sẽ làm sau khi hết buổi học.
3. Thực hành, vận dụng ***Mục tiêu:*** Hoàn thành đoạn văn về tình bạn, hiểu hoạt động của bạn bè. Luyện tập sử dụng dấu chấm, chấm hỏi, chấm cảm phù	**BT2: Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.** - Bây giờ, chúng ta cùng nhau làm bài tập 2 nào! Màn hình xuất hiện yêu cầu của bài tập 2	- HS quan sát và lắng nghe.

hợp với nội dung câu.	 - GV: Đọc yêu cầu bài tập 2. - GV hỏi: *Trong đoạn văn có nhắc đến con nòng nọc. Ai biết về con nòng nọc, hãy nói cho các bạn cùng nghe?* *VD: Nòng nọc là động vật lưỡng cư khi còn nhỏ thường sống dưới nước. Tuy nhiên có 1 số nòng nọc sống trên cạn. Nó không tay hay chân cho đến khi trưởng thành và nó có một cái đuôi, dùng để bơi như cá.* - GV chiếu slide hình ảnh con nòng nọc. - GV cho học sinh xem clip dài khoảng 20 giây về sự tiến hoá từ nòng nọc thành ếch để các em hình dung rõ hơn.	- HS trả lời. - HS xem clip. - HS quan sát. - Tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc.

	 https://www.youtube.com/watch?v=wr5wwgXWJEE - GV chơi trò chơi bằng cách thao tác trên chuột để kéo từ vào đúng ô trống. *Trò chơi wordwall* - GV: *Chắc các em ngồi trước màn hình đều có thể chiến thắng trong trò chơi này. Các em cùng cô đọc lại đoạn văn sau khi chúng mình đã cho từ vào đúng ô trống nhé!* - GV chiếu đáp án*: thân thiết, nhớ, vui đùa.* - GV: *Đoạn văn trên nói về tình bạn giữa ai với ai?* *Các em đều dễ dàng nhận thấy: đoạn văn nói về tình bạn giữa cá nhỏ và nòng nọc.*	- Vì nòng nọc hoá thành ếch và phải lên bờ bắt đầu cuộc sống trên cạn. - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS quan sát và suy nghĩ.

	- Bạn nào giỏi cho cô biết: Tại sao cá nhỏ phải nhớ nòng nọc? *À, vì nòng nọc hoá thành ếch phải lên bờ bắt đầu cuộc sống trên cạn. Vì nòng nọc thành ếch phải xa cá con.* **BT3: Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu**. *Bây giờ, chúng ta cùng nhau sang bài tập cuối cùng của bài hôm nay.* - GV: *Các em cùng cô đọc yêu cầu bài tập 3 nhanh nào!* - GV: *Các bạn suy nghĩ trong đầu và vung tay để nối giúp cô nào! Và nhớ nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu đấy!* *Bắt đầu từ câu thứ nhất của cột A nhé!* - GV vung tay đồng thời trên màn hình nối các câu A với B. - Câu hỏi điều chưa biết là câu số 2: *Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn?*	- HS chú ý lắng nghe và ghi nhớ. - HS quan sát.

	+ Câu này có thể nối với câu a ở cột B. + Vì đây là câu hỏi điều mình muốn biết. + Cuối câu có dấu chấm hỏi. + *Câu 1 (Hằng ngày hai bạn thường rủ nhau đi học.) nối với ý b (Kể lại sự việc)* + *Câu 3 (Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!) nối với ý c (Bộc lộ cảm xúc)* - GV chốt lại đáp án: 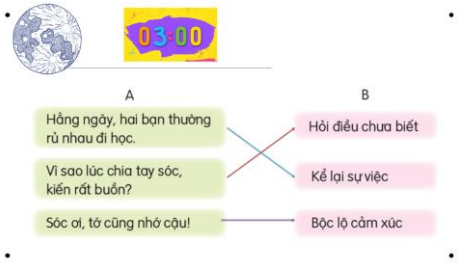 - GV chốt lại tác dụng của từng dấu câu: + Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu hỏi chấm. + Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu chấm. + Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu chấm than. - GV kết hợp chiếu slide vẽ sơ đồ tư duy tổng kết về ba dấu câu đã học.	
4. Củng cố, dặn dò	- GV hỏi: + *Để hỏi điều chưa biết, cuối câu dùng dấu câu gì?*	- HS nhớ lại kiến thức bài học.

Mục tiêu: Ghi nhớ, khắc sâu nội dung bài.	*+ Để kể lại sự việc, cuối câu dùng dấu câu gì?* *+ Để bộc lộ cảm xúc, cuối câu dùng dấu câu gì?* 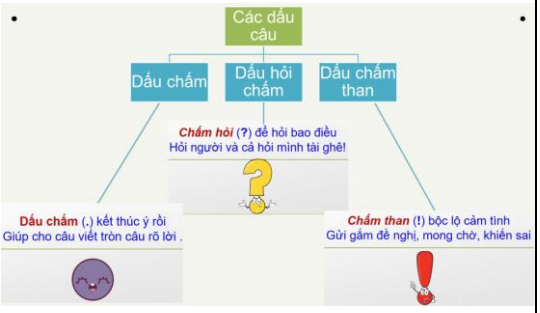 - GV: *Vì covid 19 mà chúng ta không được gặp nhau ở lớp. Chúng ta phải điều chế vacxin phòng chống covid thôi. Mỗi câu trả lời đúng của các em sẽ giúp nhà khoa học tìm ra 1 chất để hoàn thành liều vacxin phòng chống covid đấy! Nào chúng ta cùng hỗ trợ nhà khoa học nào!* 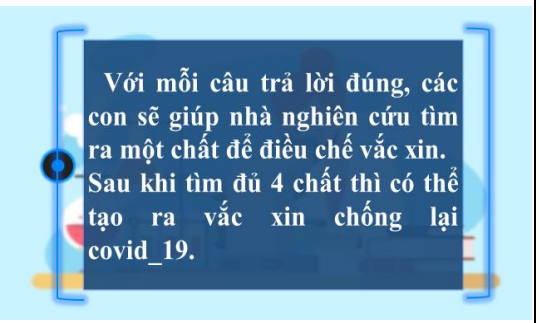 	- HS lắng nghe và quan sát. - HS lắng nghe. - HS quan sát và suy nghĩ câu trả lời.

	 Màn hình chiếu lần lượt 4 câu hỏi và đáp án trả lời. *- Cô chắc hẳn tất cả các em ngồi trước màn hình đều rất giỏi ai cũng trả lời được cả 4 câu nghĩa là đã giúp nhà khoa học của chúng ta tìm ra 4 chất để điều chế covid 19. Các em học hành giỏi thì chắc chắn chúng ta sẽ nhanh đánh bay covid thôi.* *- GV: Cô cảm ơn các em đã cùng cô hoàn thành bài học Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè; dấu chấm, dấu hỏi, chấm than ngày hôm nay. Các em về tìm thêm các từ nói về tình bạn và đặt câu kể lại sự việc, hỏi điều chưa biết, bộc lộ cảm xúc và nhớ chọn các dấu câu (/, . , !) phù hợp nhé! Cô chào các em!*	- HS chú ý lắng nghe và ghi nhớ.

IV. NHỮNG ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

2.4. Kịch bản ghi hình

DẠY TIẾNG VIỆT LỚP 2

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH – Số 1

Đọc: Tôi là học sinh lớp 2

Nói và đáp lời chào

Viết: Chữ hoa A

(Thời lượng : 30 phút)

STT	PHẦN	NỘI DUNG	THỂ HIỆN	THỜI LƯỢNG
1.	**HÌNH HIỆU CHƯƠNG TRÌNH**			
2.	**Mở đầu**	Giáo viên NÓI LỜI CHÀO HỎI HS		
3.	**Khởi động**	**Nói về nội dung tranh (**phục vụ giới thiệu bài Đọc) **- GV nêu yêu cầu :** Các em hãy nêu cảm nghĩ của mình khi quan sát bức tranh trên màn hình. *(Dành mấy giây cho HS quan sát)* **- GV nêu câu hỏi gợi ý** (sau khi đã dành thời gian cho HS suy nghĩ): + Trong tranh, các bạn HS đang ở đâu? + Nét mặt các bạn như thế nào?		

(Nếu có giọng HS tương tác, thì có tiếng 1 em trả lời, VD: Các bạn HS đang ở cổng trường. Các bạn rất vui khi gặp nhau).

- GV: Đây là cảnh các bạn HS gặp lại nhau sau những ngày nghỉ hè. Đây là tranh vẽ khung cảnh những năm học trước. Cô mong dịch bệnh chóng qua để các em được đến trường gặp bạn bè, thầy cô. Còn hôm nay, các em học bài đầu tiên của môn Tiếng Việt, bài đọc: Tôi là học sinh lớp 2 (của tác giả Văn Giá).

(Màn hình hiện bài học, bài thơ và tranh minh hoạ)

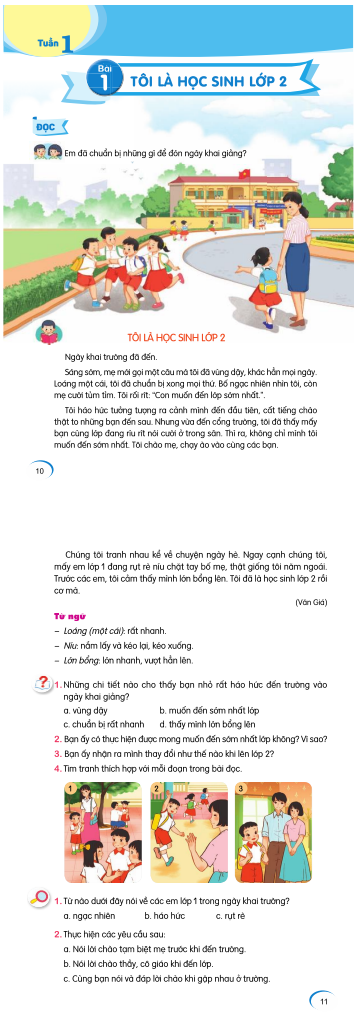

Tuần 1

Bài 1 TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

ĐỌC

Em đã chuẩn bị những gì để đón ngày khai giảng?

TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

Ngày khai trường đã đến.

Sáng sớm, mẹ mới gọi một câu mà tôi đã vùng dậy, khác hẳn mọi ngày. Loáng một cái, tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Bố ngạc nhiên nhìn tôi, còn mẹ cười tủm tỉm. Tôi rối rít: "Con muốn đến lớp sớm nhất.".

Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn.

10

Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. Ngay cạnh chúng tôi, mấy em lớp 1 đang rụt rè níu chặt tay bố mẹ, thật giống tôi năm ngoái. Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bổng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà.

(Văn Giá)

Từ ngữ

- *Loáng (một cái)*: rất nhanh.
- *Níu*: nắm lấy và kéo lại, kéo xuống.
- *Lớn bổng*: lớn nhanh, vượt hẳn lên.

1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai giảng?
   a. vùng dậy b. muốn đến sớm nhất lớp
   c. chuẩn bị rất nhanh d. thấy mình lớn bổng lên
2. Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao?
3. Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?
4. Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.

1. Từ nào dưới đây nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường?
   a. ngạc nhiên b. háo hức c. rụt rè
2. Thực hiện các yêu cầu sau:
   a. Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường.
   b. Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp.
   c. Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.

11

1. ĐỌC				
4.	**Luyện đọc trơn**	**GV :** Toàn bài là lời kể của một bạn HS lớp 2. Các em nghe cô đọc từng đoạn để biết bạn ấy kể những gì nhé. Các em đọc thầm theo cô. *GV đọc đoạn 1, ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, nhấn giọng ở những từ thể hiện tâm trạng hồi hộp, náo nức của bạn nhỏ trước năm học mới, VD: vùng dậy, khác hẳn, loáng một cái,...).* *Màn hình hiện lên tên bài và đoạn mở đầu để HS có thể nhìn rõ chữ và đọc theo.* **TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2** Ngày khai trường đã đến. Sáng sớm, mẹ mới gọi một câu mà tôi đã vùng dậy, khác hẳn mọi ngày. Loáng một cái, tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Bố ngạc nhiên nhìn tôi, còn mẹ cười tủm tỉm. Tôi rối rít: "Con muốn đến sớm nhất lớp." **GV:** "Loáng một cái" có nghĩa là rất nhanh. **GV hướng dẫn đọc từ:** Các em cùng cô đọc các từ ngữ: *Màn hình hiện đoạn 1:* - loáng một cái (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này trong đoạn văn chuyển màu khác* - ngạc nhiên (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này chuyển màu khác*	- Giáo viên dẫn - Giọng học sinh tương tác (nếu có)	

		GV nói: Các em cùng cô đọc câu nói của bạn nhỏ: Tôi rối rít:/ "Con muốn đến sớm **<u>nhất lớp</u>**." *(đọc 1 lần, cao giọng ở "nhất lớpi")* → *hiệu ứng câu này chuyển màu khác* **GV** : Các em nghe cô đọc đoạn thứ 2 và đọc thầm theo cô. *GV đọc đoạn 2.* *Màn hình hiện đoạn 2 để HS nhìn rõ chữ và đọc theo.* Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn. **GV:** Từ *háo hức* có nghĩa là vui sướng / nóng lòng chờ đợi một điều hay, một điều vui sắp tới. **GV hướng dẫn đọc từ**: Các em cùng cô đọc các từ ngữ: - ríu rít (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này trong đoạn văn chuyển màu khác* - nói cười (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này chuyển màu khác*		

		GV nói: Các em quan sát cách ngắt câu và đọc cùng cô: Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. ***Nhưng / vừa đến cổng trường,/ tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp / đang ríu rít nói cười / ở trong sân.*** Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn. *(đọc 1 lần, cao giọng ở "ríu rít")* → *hiệu ứng câu này chuyển màu khác* **GV :** Các em nghe cô đọc đoạn cuối và đọc thầm theo cô. *GV đọc đoạn 3.* *Màn hình hiện đoạn 3 để HS nhìn rõ chữ và đọc theo.* Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. Ngay cạnh chúng tôi, mấy em lớp 1 đang rụt rè níu chặt tay bố mẹ, thật giống tôi năm ngoái. Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bổng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà. **GV:** Từ *níu* có nghĩa là *nắm lấy và kéo lại, kéo xuống; "lớn bổng" có nghĩa là lớn nhanh, vượt hẳn lên.* **GV hướng dẫn đọc từ:** Các em cùng cô đọc các từ ngữ:		

		- rụt rè (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này trong đoạn văn chuyển màu khác* - níu chặt tay (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này chuyển màu khác* - lớn bổng lên (*đọc 2 lần*) → *hiệu ứng các từ ngữ này chuyển màu khác* **GV nói:** Các em quan sát cách ngắt câu và đọc cùng cô: Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. ***Ngay cạnh chúng tôi,/ mấy em lớp 1/ đang rụt rè / níu chặt tay bố mẹ,/ thật giống tôi năm ngoái.*** Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bổng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà. *(đọc 1 lần, cao giọng ở "ríu rít")* → *hiệu ứng câu này chuyển màu khác* **GV nói:** Các em cùng cô đọc lại toàn bài nhé. *GV đọc toàn bài → Hoặc GV tên bài và đoạn 1, giọng 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn cuối.* GV dặn dò: Các em sẽ xem lại chương trình và tự luyện đọc thêm nhé.		
5.	**Luyện đọc hiểu**	**GV:** Các em sẽ tìm hiểu suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ trong bài đọc này nhé.	- Đồ họa - Giọng giáo viên đọc vần	30s

		GV hỏi : Các em hãy tìm những chi tiết cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai giảng. *Màn hình hiện lên đoạn văn và câu hỏi 1, thiết kế để tạo sự phân biệt giữa đoạn văn và câu hỏi cho sinh động.* ***1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai giảng?*** a. vùng dậy b. muốn đến sớm nhất lớp c. chuẩn bị rất nhanh d. thấy mình lớn bổng lên Ngày khai trường đã đến. Sáng sớm, mẹ mới gọi một câu mà tôi đã vùng dậy, khác hẳn mọi ngày. Loáng một cái, tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Bố ngạc nhiên nhìn tôi, còn mẹ cười tủm tỉm. Tôi rối rít: "Con muốn đến sớm nhất lớp." **GV hướng dẫn:** Các em chọn chi tiết nào thì ghi lại chữ cái đặt trước chi tiết đó để dễ đối chiếu đáp án. *(Dừng vài giây cho HS suy nghĩ / ghi nhớ hoặc ghi chép)*		

		GV nêu đáp án: Các chi tiết ghi ở mục a, b, c thể hiện sự háo hức nóng lòng muốn đến trường của bạn nhỏ. Chi tiết d (thấy mình lớn bổng lên là khi bạn ấy đã đến trường). → *Khi GV nêu đáp án, màn hình hiện lên hiệu ứng 3 phương án đúng là a, b, c.* *Màn hình hiện lên câu hỏi 2 và đoạn văn thứ 2* ; *thiết kế để tạo sự phân biệt giữa đoạn văn và câu hỏi cho sinh động.* ***2. Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao?*** Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn. *(Dừng vài giây cho HS suy nghĩ tìm câu trả lời)* **GV nói:** Các em đọc nhanh lại đoạn 2 sẽ thấy bạn ấy không thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp. Khi vừa đến cổng trường, bạn ấy đã thấy mấy bạn cùng lớp		

		đang ríu rít nói cười ở trong sân. Bởi vì, rất nhiều bạn cũng muốn đến sớm như bạn ấy. *(Khi GV nói, màn hình có thể hiện lên đoạn văn có hiệu ứng đổi màu các câu như sau:* Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. ***Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất.*** Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn. *Màn hình hiện lên câu hỏi 2 và đoạn văn thứ 3* ; *thiết kế để tạo sự phân biệt giữa đoạn văn và câu hỏi cho sinh động.* ***3. Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?*** Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. Ngay cạnh chúng tôi, mấy em lớp 1 đang rụt rè níu chặt tay bố mẹ, thật giống tôi năm ngoái. Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bổng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà. *(Dừng vài giây cho HS suy nghĩ tìm câu trả lời)* **GV nói:** Các em chắc tìm được câu trả lời. Khi trông thấy các em lớp 1 rụt rè níu chặt		

tay bố mẹ, bạn ấy cảm thấy mình lớn bổng lên. Vì bạn ấy đã là HS lớp 2 rồi cơ mà.

→*Đưa lên màn hình câu hỏi 4 và 3 hình ảnh :*

4. Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.

GV nói: Tranh 1 vẽ gì? (Bạn nhỏ gặp bạn bè trong sân trường)

Tranh 2? (Bạn nhỏ chào mẹ rồi chạy vào cổng trường)

Tranh 3? (Bạn nhỏ chuẩn bị đi học)

Các em hãy sắp xếp lại các tranh phù hợp lời kể của bạn nhỏ trong các đoạn văn. → Đáp án: sắp xếp tranh: 3 – 2 – 1.

Màn hình hiện lên đáp án như sau:

Ngày khai trường đã đến. Sáng sớm, mẹ mới gọi một câu mà tôi đã vùng dậy, khác hẳn mọi ngày. Loáng một cái, tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Bố ngạc nhiên nhìn tôi, còn mẹ cười tủm tỉm. Tôi rối rít: "Con muốn đến sớm nhất lớp."	

		Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn. 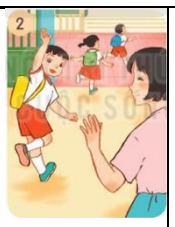		
		Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. Ngay cạnh chúng tôi, mấy em lớp 1 đang rụt rè níu chặt tay bố mẹ, thật giống tôi năm ngoái. Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bổng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà 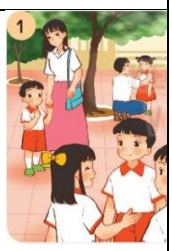		
		GV : Bài TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2 là lời kể của một bạn HS vừa lên lớp 2. Sau những tháng nghỉ hè, bạn ấy rất vui khi trở lại trường, háo hức gặp bạn bè. Các em có cảm xúc đón năm học mới giống bạn ấy không? …		
		2. NÓI VÀ NGHE		
6.	**Luyện nói và**	**NÓI VÀ ĐÁP LỜI CHÀO**		

	đáp lời chào	**GV nêu yêu cầu:** Em hãy nhớ lại, em đã nói lời chào như thế nào trong những tình huống sau: **1. Nói lời chào tạm biệt mẹ (hoặc bố, hay người thân) trước khi đi học hoặc đi đâu đó ra khỏi nhà.** *(Dừng vài giây cho HS suy nghĩ / nhớ lại để có thể thực hiện yêu cầu của GV)* **GV:** Các em có còn nhớ mình đã chào như thế nào không? Các em thử nghe lời chào của một số bạn nhé. (Ghi âm các lời chào giọng HS nam, HS nữ và những câu chào tạm biệt khác nhau, VD: HS1: - Con chào mẹ, con đi học. HS2: - Mẹ ơi, con đi học đây. Con chào mẹ. **GV:** Các em thấy không? Có rất nhiều cách chào khác nhau. Lời chào cũng thể hiện tình cảm của các em đối với người thân của mình. **2. Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp.** **GV:** Các em thường chào thầy cô của mình như thế nào? *(Dừng vài giây cho HS suy nghĩ / nhớ lại để có thể thực hiện yêu cầu của GV)*		

		GV: Các em nghe các bạn HS chào cô giáo của mình nhé. Có thể chọn 1 trong 2 cách sau: *- Ghi âm tương tác giữa 1 – 2 HS chào cô giáo, cô giáo đáp lại lời chào của HS.* *- Sử dụng clip ghi hình các HS chảo thầy giáo hoặc cô giáo, thầy / cô giáo đáp lại với thái độ trìu mến.* *Ví dụ:* HS: - Em chào thầy ạ./ Em chào cô ạ. GV: Thầy chào em. / Chào em. … **2. Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.** **GV nói:** Cô thấy các em có rất nhiều lời chào và đáp lời chào khác nhau. Nếu bây giờ được đến trường hoặc học trực tuyến, các em sẽ chào các bạn và đáp lời chào của các bạn như thế nào? *(Dừng vài giây cho HS suy nghĩ / nhớ lại để có thể thực hiện yêu cầu của GV)* Chọn 1 trong 2 cách: *- Ghi âm tương tác giữa một số HS chào – đáp lời chào của các nhau.* *- Sử dụng clip ghi hình các HS chào hỏi nhau vui vẻ.* *Ví dụ:* HS1: - Chào cậu! Lâu quá không gặp. HS2: - Chào cậu. Cậu đi học sớm thế! …		

		GV dặn dò: - Chào hỏi nhau vui vẻ, niềm nở cũng đem đến niềm vui cho nhau. - Các em hãy đọc lại bài TÔI LÀ HS LỚP 2.		
		3. VIẾT CHỮ HOA: A	-	
7.	**Hướng dẫn viết chữ hoa**	**1. Giới thiệu chữ hoa A** Trên màn hình hiện lên mẫu chữ hoa A (cỡ nhỡ : 5 li) **GV:** Đây là chữ hoa A. - Các em quan sát chữ hoa A: Chữ A cao bao nhiêu? Rộng bao nhiêu? - Chữ hoa A cao 2 ô li rưỡi *(hiệu ứng mũi tên 2 đầu giúp HS xác định chiều cao)*; rộng gần 3 ô li *(hiệu ứng mũi tên 2 đầu giúp HS xác định độ rộng)* - Chữ hoa A gồm 3 nét: nét móc ngược trái, nét móc ngược phải và nét lượn ngang **2. Hướng dẫn viết chữ hoa A** (cỡ nhỡ : 5 li) **Lần 1:** Màn hình hiện lên nét bút viết chữ A (biểu diễn bằng phần mềm); GV thuyết minh theo màn hình hướng dẫn viết: - Nét 1: *Đặt bút ở ĐK2 viết nét lượn ngang, gần đến ĐK3 hơi lượn sang phải, dừng bút giữa ĐK3 và ĐK4;* - Nét 2: *Từ điểm dừng bút của nét 1, đảo chiều bút viết nét móc ngược phải, dừng bút ở giữa ĐK1 và ĐK2;*	Giáo viên hướng dẫn viết lên bảng Giáo viên viết vào vở ô li (hình cận)	

		- Nét 3: *Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên trên ĐK2 một chút viết nét lượn ngang rộng hơn thân chữ một chút, dừng bút ở trên ĐK2 một chút.* **Lần 2:** Màn hình quay GV viết trên bảng trên nền nhạc / không lời. 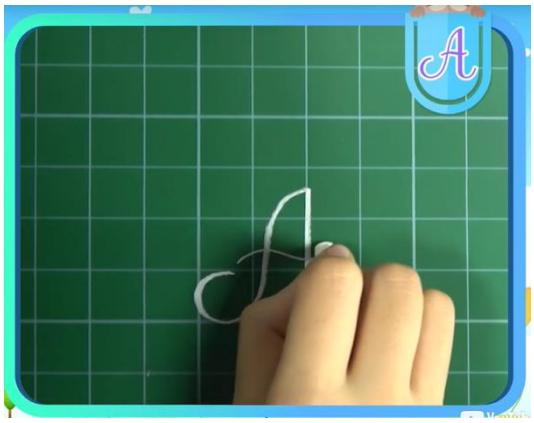 **Lần 3:** GV viết vào vở ô li chữ hoa A, cỡ chữ nhỏ (2,5 li) GV viết mẫu câu ứng dụng, nhắc HS chú ý cách nối chữ A hoa với chữ viết thường tiếp theo: **Ánh nắng tràn ngập sân trường.** **3. GV nhắc HS luyện viết.**		
	Kết	Giáo viên kết thúc chương trình		30s

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Công văn 2345/BGDĐT-GDTH.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Tài liệu bồi dưỡng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học môn Tiếng Việt*.

5. Akseli Huhtanen (2019), *The design book for online learning*, Aalto University.

6. The Danielson (2020), *The framework for remote teaching*, www.danielsongroup.org

7. Convery A. (2011), "Using television programs in the classroom: a teacher's experience", *Journal of Educational Television*: 151 - 162.

PHỤ LỤC 1

QUY TRÌNH XÂY DỰNG KHBD TIẾNG VIỆT

Quy trình xây dựng KHBD Tiếng Việt gồm 2 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (chuẩn bị)**: Phân tích bài học Tiếng Việt sẽ được thiết kế kế hoạch**

Như đã phân tích trên đây, ở giai đoạn này, GV cần nghiên cứu YCCĐ của mạch nội dung được quy định trong CT môn Tiếng Việt, nghiên cứu bài học trong SGK, thiết bị dạy học, học liệu, đặc điểm HS,... để xác định YCCĐ của bài học phù hợp với với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương.

Đặc biệt, GV cần nghiên cứu kĩ bài dạy, xác định vị trí của bài trong mạch nội dung CT (thể hiện qua SGK) để biết cần dạy gì, kết nối các đơn vị kiến thức, kĩ năng như thế nào, tổ chức hoạt động dạy học ra sao nhằm đạt YCCĐ. Để phân tích bài học, nên trả lời ba câu hỏi:

(1) Học sinh đã được học gì về (hoặc liên quan tới) chủ đề/KT/KN này trong những năm học/bài học trước?

(2) Học sinh sẽ học những gì ở năm học/bài học này?

(3) Học sinh sẽ sử dụng những KT, KN có được từ bài học này như thế nào cho những năm học/bài học tiếp theo?

Ví dụ: GV có thể vẽ một sơ đồ phân tích chủ đề/bài học ở lớp 2 như sau :

Việc phân tích bài dạy/chủ đề giúp GV nắm chắc hơn những yêu cầu cần đạt được quy định trong CT, nhờ đó đi đúng hướng và hoàn thành các mục tiêu theo tiến độ mà họ đặt ra vào đầu năm. Những thông tin đó cũng giúp tránh nội dung thừa/ thiếu/lặp lại trong CT học; khuyến khích việc xem xét các phương pháp giảng dạy mà GV sử dụng để hoàn thành các mục tiêu, thúc đẩy việc tích hợp các chủ đề trong CT giảng dạy một cách hợp lí.

Với việc phân tích mối liên quan giữa bài học cụ thể với những bài đã học và những bài sẽ học tiếp theo, cũng có thể thực hiện tương tự.

2. Giai đoạn 2: Tiến hành xây dựng KHBD Tiếng Việt

Để xây dựng KHBD Tiếng Việt, GV cần nghiên cứu nội dung bài học và các tài liệu liên quan, nhằm:

- Hiểu YCCĐ: Góp phần phát triển năng lực đặc thù, các phẩm chất và năng lực chung theo yêu cầu của CT;

- Xác định đúng nội dung của bài học: Trình tự bài học, mối liên hệ giữa các phần, các nội dung của bài học;

- Dự kiến những kiến thức, kĩ năng mà HS đã có, cần có; xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ học tập của HS; dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh - cách giải quyết;

- Lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học và cách đánh giá thích hợp nhằm giúp HS học tích cực chủ động sáng tạo, phát triển năng lực tự học;

Việc xây dựng KHBD có thể được thực hiện qua các bước sau:

***Bước 1:* Xác định yêu cầu cần đạt**

Để thiết kế KHBD, việc quan trọng đầu tiên là phải xác định yêu cầu cần đạt của bài học. Yêu cầu cần đạt của bài học cần được xác định trên cơ sở nội dung bài học, phân tích người học, bối cảnh dạy học.

Các câu hỏi giúp phân tích mục tiêu bài học:

- Bài học giúp HS hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (năng lực đặc thù) nào?
- Bài học góp phần giúp HS hình thành và phát triển những năng lực chung nào?
- Bài học giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất nào?

YCCĐ có thể được trình bày thành các tiểu phần:

(1) Góp phần pphát triển NL đặc thù (NL ngôn ngữ và NL văn học)

(2) Góp phần phát triển các NL chung

(3) Góp phần phát triển phẩm chất chủ yếu

Yêu cầu khi viết mục tiêu bài học (theo SMART)

SMART là từ ghép từ 5 chữ cái đầu bằng tiếng Anh của mỗi yêu cầu khi viết mục tiêu bài học:

- **S** (Simple Specific): Đơn giản, cụ thể.
- **M** (Measurable): Có thể đo, đếm được, được thể hiện bằng động từ hành động.
- **A** (Attainable): Có thể đạt được.
- **R** (Realistic): Thực tế (điều kiện thực hiện).
- **T** (Time - bound): Có giới hạn thời gian.

***Bước 2.* Xác định nội dung dạy học trọng tâm, sắp xếp nội dung hướng vào phát triển năng lực**

Nếu coi năng lực là đầu ra thì nội dung được coi là đầu vào của bài học. Để đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực, trước hết cần xác định nội dung trọng tâm của bài học để tập trung vào những mục tiêu quan trọng; sau đó, rà soát và có thể sắp xếp lại nội dung trong bài sao cho tạo cơ hội để HS được tham gia vào các hoạt động học tập hướng đến phát triển năng lực.

- HS cần học được những gì từ bài học này?
- HS đã biết những gì và làm được gì liên quan đến bài học này?
- HS có những thuận lợi gì khi học bài này?
- HS sẽ gặp những khó khăn gì, hay mắc lỗi ở những chỗ nào trong bài học này?
- HS sẽ thích gì và không thích gì ở bài học này?

***Bước* 3*:* Thiết kế các hoạt động học tập nhằm chuyển tải nội dung bài học và hướng vào phát triển được các năng lực**

- Với dạng bài này, HS thích những loại hoạt động học tập nào?
- Các em có thể sử dụng loại đồ dùng học tập nào?
- Các em có những kĩ năng trình bày nào?
- Nên tổ chức hoạt động học của HS theo quy trình nào và bằng những hình thức nào?
- Nên sử dụng các dạng câu hỏi/BT nào?
- Nên tổ chức đánh giá quá trình và kết quả học tập của HS thế nào?
- ...

Bài học theo hướng phát triển năng lực cần bắt đầu từ hoạt động chuẩn bị bài của HS và kết thúc bằng hoạt động vận dụng vào giải quyết tình huống trong thực tiễn. Như đã nêu trên, các hoạt động học tập của HS có thể được thiết kế theo trình tự như sau:

- *Khởi động:* Tổ chức cho HS chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học. Bên cạnh đó, Khởi động còn tạo hứng thú cho HS với bài học, cung cấp những trải nghiệm, mở rộng hiểu biết, vốn từ về chủ đề.

- *Khám phá:* Đặt HS vào tình huống mới để giúp các em có những hiểu biết và kinh nghiệm mới. Trong bước này, HS sẽ được cung cấp một số ngữ liệu để phục vụ việc hình thành KT về Tiếng Việt.

- *Luyện tập:* Đặt HS vào những tình huống tương tự tình huống trong phần Khám phá để giúp các em củng cố KT, rèn luyện KN thực hành. Tuỳ theo giai đoạn học tập và kiểu bài học, nội dung luyện tập có thể là: tập đọc, tập viết (viết chữ, viết đoạn bài), tập nghe – nói (nghe nói lời hội thoại, kể chuyện, ...).

- *Vận dụng:* Giúp HS ứng dụng những điều đã học để nhận thức, giải quyết những tình huống có thực trong đời sống. Nội dung hoạt động vận dụng là hướng dẫn HS thực hành giao tiếp tốt ở trường và nhà, đọc sách báo và những thông tin cần thiết, quan sát và học hỏi thêm

trong cuộc sống, sưu tầm và giới thiệu các sản phẩm sưu tầm được, tạo ra các sản phẩm đa phương thức.

Với mỗi hoạt động, GV cần lưu ý lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức phù hợp, tạo cơ hội để HS được tham gia một cách tích cực và sáng tạo.

Cần cân nhắc thời gian cho mỗi hoạt động để từ đó đưa ra số lượng hoạt động vừa đủ, có tính khả thi.

***Bước 4:* Thiết kế những câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ cho từng hoạt động; thiết kế công cụ đánh giá kết quả học tập theo quá trình**

Việc thiết kế các câu hỏi/bài tập có vai trò quan trọng vì câu hỏi/bài tập là cái cốt lõi của mỗi loại hoạt động, chúng phải hướng đến việc đáp ứng các mục tiêu bài học đề ra.

Có thể sử dụng cả 2 loại câu hỏi/bài tập dạng trắc nghiệm khách quan và dạng tự luận. Những câu hỏi/bài tập yêu cầu sự phân tích, giải thích, lập luận, … nên dùng dạng tự luận.

Khi thiết kế những câu hỏi, bài tập, GV cần tăng dần độ khó của bài tập để phát triển năng lực nhưng không tạo ra áp lực cho các em.

Việc đánh giá kết quả học tập của HS trong mỗi bài học có ý nghĩa quan trọng, có thể do GV thực hiện, có thể do HS tự thực hiện. Công cụ dùng cho GV đánh giá có thể là: bảng kiểm, phản hồi của GV (bằng lời nhận xét tích cực), phiếu quan sát sản phẩm của HS, tình huống có vấn đề do GV nêu ra yêu cầu HS giải quyết … Công cụ dùng cho HS đánh giá có thể là: phản hồi của HS (bằng lời nhận xét tích cực), hồ sơ học tập, bảng kiểm … Khi cho HS tự đánh giá, GV cần có giải thích cách dùng từng loại công cụ.

***Bước 5:* Điều chỉnh KHBD sau khi dạy học**

Bài học phát triển năng lực gắn với bối cảnh lớp học với những nhóm HS có đặc điểm tâm lí, có hoàn cảnh sống, có trình độ nhận thức cụ thể. Do đó, sau mỗi lần triển khai bài học ở một lớp, GV cần rút kinh nghiệm, những điều cần chú ý khi thực hiện bài học ở lớp học khác. GV cần trả lời những câu hỏi sau:

- Bổ sung hay lược bỏ nội dung nào?
- Thay đổi bài tập, câu hỏi nào?
- Thêm tư liệu dạy học nào?
- Điều chỉnh cách thức tiến hành hoạt động nào và như thế nào?
- ...

TRANG SÁCH TIẾT DẠY LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Tiết 4: Luyện từ và câu
Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè
Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than

1. Kế hoạch bài dạy
2. Bài giảng Power point
3. Video Lớp chúng ta đoàn kết (2’30”)
4. Video sự phát triển của nòng nọc thành ếch (20”)
5. Video: Trò chơi wordwall

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu* thay cho ô vuông.

(*hươu, nhiều, khướu*)

Sóc hái rất ▨ hoa để tặng bạn bè. Nó tặng ▨ cao cổ một bó hoa thiên điểu rực rỡ. Còn chim ▨ và chim liếu điếu được sóc tặng một bó hoa bồ công anh nhẹ như bông.

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *en* hoặc *eng*.

M:

en	M: dế mèn
eng	M: cái xẻng

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.

M: quý mến

2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

(*nhớ, tươi vui, thân thiết, vui đùa*)

Cá nhỏ và nòng nọc là đôi bạn ▨. Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nòng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn ▨ cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao ▨ cùng cá nhỏ.

3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.

A	B
Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học.	Hỏi điều chưa biết
Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn?	Kể lại sự việc
Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!	Bộc lộ cảm xúc

84

Phụ lục 2

Video Lớp chúng ta đoàn kết. (2’30”)

Phụ lục 3

Video sự phát triển của nòng nọc thành ếch (20”)

Phụ lục 4

Video: Trò chơi wordwall

Phụ lục 5

Powerpoint trò chơi phần củng cố (Điều chế vacxin)

Phụ lục 6

Bài giảng điện tử, các hình ảnh.

(Từ Phụ lục 2 đến phụ lục 6 ở file đính kèm)